

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2015

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đoàn Thúy Anh**

**Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Thị Thúy Hồng**

**HẢI PHÒNG - 2020**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HÙNG VƯƠNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đoàn Thúy Anh**

**Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Thị Thúy Hồng**

**HẢI PHÒNG – 2020**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

**Sinh viên:** Đoàn Thúy Anh      **Mã SV:** 1612751002

**Lớp** : QT2001K

**Ngành** : Kế toán – Kiểm toán

**Tên đề tài:** Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

## 1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- ✓ Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo Thông tư 133/2016/TT-BTC.
- ✓ Tìm hiểu thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập.
- ✓ Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

## 2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

Sưu tầm, lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh năm 2019 tại Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương.

.....  
.....  
.....  
.....

## 3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

*Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương*

## **CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

**Họ và tên:** Nguyễn Thị Thúy Hồng

**Học hàm, học vị:**Thạc sỹ

**Cơ quan công tác:***Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng*

**Nội dung hướng dẫn:**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương.

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 30 tháng 03 năm 2020

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Giảng viên hướng dẫn*

*Hải Phòng, ngày tháng năm 2020*

**HIỆU TRƯỞNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP**

Họ và tên giảng viên: **Nguyễn Thị Thúy Hồng**  
Đơn vị công tác: Khoa Quản trị kinh doanh  
Họ và tên sinh viên: **Đoàn Thúy Anh - QT2001K**; Chuyên ngành: KT - KT  
Đề tài tốt nghiệp: *Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương*

**Nội dung hướng dẫn:**

Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo Thông tư 133/2016/TT-BTC; Tìm hiểu thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập; Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp**

- ✓ Hoàn thành đúng tiến độ các chương theo qui định của GV hướng dẫn;
- ✓ Có trách nhiệm với công việc được giao;

**2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)**

- ✓ Khóa luận tốt nghiệp có bố cục hợp lý;
- ✓ Đã khái quát hóa được lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo Thông tư 133/2016/TT-BTC;
- ✓ Phản ánh được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương với số liệu logic;
- ✓ Đã đánh giá được ưu nhược điểm cơ bản trong công tác kế toán tại Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương trên cơ sở đó tác giả đã đề xuất được một số biện pháp phù hợp giúp đơn vị hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói chung cũng như công tác kế toán nói riêng.

**3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp**

Được bảo vệ  Không được bảo vệ  Điểm hướng dẫn

*Hải Phòng, ngày 28 tháng 06 năm 2020.*

**Giảng viên hướng dẫn**

*Th.S Nguyễn Thị Thúy Hồng*

# Mục Lục

LỜI MỞ ĐẦU .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
CHƯƠNG 1 NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ .....	2
1.1. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. ....	2
1.1.1. Một số vấn đề cơ bản về doanh thu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ .....	2
1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	4
1.1.3. Các phương thức bán hàng và thanh toán trong doanh nghiệp.....	5
1.1.4. Một số vấn đề cơ bản về chi phí trong doanh nghiệp vừa và nhỏ .....	6
1.1.5. Xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	9
1.2. Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh. doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. ....	10
1.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	10
1.2.2. Tổ chức kế toán chi phí trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	20
KÊ KHAI THƯỜNG XUYÊN .....	23
1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	30
1.3. Các hình thức kế toán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	34
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, .....	39
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH .....	39
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HÙNG VƯƠNG.....	39
2.1. Giới thiệu chung về Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương.....	39
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương.....	39
2.1.2. Tổng quan về lĩnh vực hoạt động của công ty .....	39
2.1.4. Hệ thống tổ chức bộ máy quản lý của công ty.....	40
cổ phần vận tải biển Hùng Vương .....	40
2.1.5. Đặc điểm chính sách và phương pháp kế toán Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương áp dụng .....	42
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương.....	43
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương .....	43
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty CP vận tải biển Hùng Vương .....	51

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương.....	55
2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí tài chính tại Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương.....	65
2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương.....	71
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN .	80
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI.....	80
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HÙNG VƯƠNG.....	80
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương.....	80
3.1.1. Đánh giá chung.....	80
3.1.2. Ưu điểm của công tác kế toán tại công ty .....	80
3.1.3. Nhược điểm của công tác kế toán tại công ty .....	81
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu,chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương.....	82
3.2.1. Nguyên tắc của việc hoàn thiện .....	82
3.2.2. Giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương.....	83
3.2.2.2. Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại:.....	84
3.2.2.3. Sử dụng phần mềm kế toán:.....	85
KẾT LUẬN .....	89
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	90



## DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: KẾ TOÁN DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ THEO PHƯƠNG THỨC TRỰC TIẾP.....	13
.....	13
Sơ đồ 1.3: KẾ TOÁN DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ THEO PHƯƠNG THỨC HÀNG ĐỔI HÀNG.....	14
Sơ đồ 1.4: KẾ TOÁN DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ THEO PHƯƠNG THỨC TRẢ GÓP, TRẢ CHẬM.....	14
Sơ đồ 1.5: KẾ TOÁN DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH.....	17
Sơ đồ 1.6: KẾ TOÁN THU NHẬP KHÁC .....	19
Sơ đồ 1.7: KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN THEO PHƯƠNG PHÁP .....	23
Sơ đồ 1.8: KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN THEO PHƯƠNG PHÁP KIỂM KÊ ĐỊNH KỲ.....	24
Sơ đồ 1.9: KẾ TOÁN CHI PHÍ TÀI CHÍNH .....	26
Sơ đồ 1.10: KẾ TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH.....	28
Sơ đồ 1.11: KẾ TOÁN CHI PHÍ KHÁC .....	30
Sơ đồ 1.12: CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP.....	31
Sơ đồ 1.13: KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH .....	32
Sơ đồ 1.14. KẾ TOÁN LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI.....	34
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty .....	40
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương.....	41
Sơ đồ 2.3: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương .....	43
Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương.....	51
Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương .....	55
Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương. ....	65
Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương .....	71

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1. Hóa đơn GTGT HĐ 0002045 .....	45
Biểu số 2.2. Bảng kê số 01/12.....	46
Biểu số 2.3. Hóa đơn GTGT HĐ 0002050. ....	47
Biểu số 2.4. Bảng kê số 05/12.....	48
Biểu số 2.5. Trích sổ Nhật Ký Chung.....	49
Biểu số 2.6. Trích Sổ cái TK 511.....	50
Biểu số 2.7. Trích sổ nhật ký chung.....	53
Biểu số 2.8. Trích Sổ cái TK 632.....	54
Biểu số 2.9. Hoá đơn GTGT số 0000034 .....	57
Biểu số 2.10. Phiếu chi số14.....	58
Biểu số 2.11. Bảng trích khấu hao tháng 12/2019 .....	59
Biểu số 2.12: Bảng chấm công tháng 12/2019 .....	60
Biểu số 2.13: Bảng thanh toán lương tháng 12/2019.....	61
Biểu số 2.14: Sổ nhật ký chung.....	63
Biểu số 2.15. Trích Sổ cái TK 642.....	64
Biểu số 2.16. Giấy báo có của ngân hàng Công thương Hải Phòng.....	66
Biểu số 2.17. Giấy báo nợ của ngân hàng Công thương Hải Phòng .....	67
Biểu số 2.18:Trích sổ Nhật ký chung.....	68
Biểu số 2.19. Trích Sổ cái TK 515.....	69
Biểu số 2.20. Trích Sổ cái TK 635.....	70
Biểu số 2.21. Phiếu kế toán số 20 .....	72
Biểu số 2.22. Phiếu kế toán số 21 .....	73
Biểu số 2.23. Phiếu kế toán số 22 .....	73
Biểu số 2.24. Phiếu kế toán số 23 .....	74
Biểu số 2.25. Phiếu kế toán số 24 .....	74
Biểu số 2.26. Trích sổ nhật ký chung.....	75
Biểu số 2.27. Trích sổ cái TK911 .....	76
Biểu số 2.28. Trích sổ cái TK821 .....	77
Biểu số 2.29: Trích sổ cái TK421 .....	78
Biểu số 2.30.Trích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	79

## LỜI MỞ ĐẦU

Cùng với xu hướng hội nhập của toàn thế giới, đất nước ta từng bước đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước với xu thế hội nhập và phát triển. nền kinh tế thị trường đã mang lại cơ hội, thách thức lớn cho các doanh nghiệp đồng thời mang lại những lợi ích cho người tiêu dùng. Các doanh nghiệp muốn tồn tại thì phải tìm được các phương thức sản xuất kinh doanh phù hợp với sản phẩm của mình để có thể cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu của thị trường. chính vì vậy kế toán được sử dụng như là một công cụ quản lý để thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về tình hình tiêu thụ trên thị trường đồng thời đánh giá cốt lõi thị trường, giúp cho các nhà quản lý đề ra các quyết định đúng đắn và có hiệu quả trong sản xuất, tiêu thụ và đầu tư nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững.

Trong quá trình thực tập tại Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương em đã quyết định chọn đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương”** cho bài khóa luận của mình. Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung khóa luận của em gồm 3 chương như sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng, đặc biệt là sự hướng dẫn tận tình của cô giáo **Ths.Nguyễn Thị Thúy Hồng** cùng với Ban lãnh đạo và tập thể nhân viên phòng kế toán Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương đã tạo điều kiện để em hoàn thành bài khóa luận này.

Do thời gian và kiến thức còn hạn chế nên bài viết này không thể tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

*Em xin chân thành cảm ơn!*

Sinh viên  
Đoàn Thúy Anh

## CHƯƠNG 1

### NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

#### 1.1. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

##### 1.1.1. Một số vấn đề cơ bản về doanh thu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

###### 1.1.1.1. Khái niệm và phân loại doanh thu:

###### Khái niệm:

- **Doanh thu:** Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

###### Phân loại:

- Phân loại doanh thu bao gồm:

###### ❖ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và chi phí thêm ngoài giá bán (nếu có).

###### ❖ Doanh thu hoạt động tài chính:

- Là doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản thu bao gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay; lãi tiền gửi; lãi bán hàng trả chậm; trả góp; lãi đầu tư trái phiếu....

- Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản (bằng sáng chế, nhãn mác thương mại... )

- Cổ tức, lợi nhuận được chia..

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán.

- Thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng.

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn.

❖ Thu nhập khác

- Thu nhập khác: bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ.
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng.
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường.
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước.
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập.
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại.
- Các khoản thu khác....

**1.1.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu:**

❖ Chiết khấu thương mại

- Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn theo sự thỏa thuận giữa người mua và người bán được ghi trong hợp đồng

❖ Giá trị hàng bán bị trả lại

- Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do vi phạm một trong số những nguyên nhân sau:

- Vi phạm cam kết
- Vi phạm hợp đồng kinh tế
- Hàng bị mất
- Hàng kém phẩm chất
- Không đúng chủng loại
- Không đúng quy cách như đã ghi chép trên hợp đồng kinh tế

- Khi doanh nghiệp ghi nhận giá trị hàng bán bị trả lại cần đồng thời ghi giảm tương ứng giá trị vốn hàng bán trong kỳ

❖ Giảm giá hàng bán

- Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu, thị hiếu.

❖ Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là một loại thuế gián thu, thu trực tiếp vào hành vi sản xuất, nhập khẩu các loại hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và hành vi kinh doanh các dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Thuế xuất nhập khẩu: là loại thuế gián thu, thu vào các loại hàng hóa được phép xuất, nhập khẩu qua biên giới Việt Nam, độc lập trong hệ thống pháp luật thuế Việt Nam và các nước trên thế giới.

- Thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp: là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

GTGT của hàng hóa, dịch vụ = Doanh số hàng hóa, dịch vụ bán ra - Giá vốn hàng bán, dịch vụ bán ra

### **1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

- Để quản lý một cách tốt nhất đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, không phân biệt doanh nghiệp đó thuộc thành phần nào, loại hình nào, loại hình sở hữu hay lĩnh vực hoạt động nào đều phải sử dụng đồng thời hàng loạt các công cụ khác nhau, trong đó kế toán được coi là một công cụ hữu hiệu. Đặc biệt trong nền kinh tế thị trường, kế toán được sử dụng như một công cụ đặc lực không thể thiếu đối với mỗi doanh nghiệp nhằm đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý tình hình tiêu thụ hàng hoá của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ bán ra.

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu và giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh trong kì.

- Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác.

- Theo dõi chi tiết các tài khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí từng hoạt động của doanh nghiệp.

- Cuối kỳ kết chuyển doanh thu và chi phí hợp lý vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh và các khoản phải nộp Nhà nước. Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, trung thực và đầy đủ về kết quả hoạt động kinh doanh để phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và quản lý doanh nghiệp.

- Định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định kết quả kinh doanh, tham mưu cho ban lãnh đạo để đưa ra các quyết định tài chính cho doanh nghiệp.

### **1.1.3. Các phương thức bán hàng và thanh toán trong doanh nghiệp**

#### Các phương thức bán hàng

- ❖ Bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp: Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy, hay tại phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức coi là tiêu thụ.

- ❖ **Bán hàng theo phương thức bán buôn:** Là phương thức bán hàng qua lô hoặc bán với số lượng lớn. Giá bán biến động tùy thuộc vào khối lượng hàng bán và phương thức thanh toán. Bán buôn gồm 2 phương thức: bán buôn qua kho và bán buôn xuất bán thẳng.

- Bán buôn hàng hóa qua kho: là phương thức bán hàng hóa, dịch vụ phải được xuất trực tiếp từ kho của mình. Với việc bán buôn qua kho, doanh nghiệp có thể giao hàng trực tiếp cho khách hàng tại kho hoặc chuyển hàng tới kho của bên mua hoặc địa điểm theo như hợp đồng.

- Bán buôn hàng hóa vận chuyển thẳng: là phương thức bán buôn mà sau khi mua hàng doanh nghiệp không nhập kho mà xuất bán thẳng cho bên mua.

- ❖ **Bán hàng theo phương thức bán lẻ:** Là phương thức bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng hoặc các tổ chức kinh tế mang tính tiêu dùng. Bán lẻ

thường bán đơn chiếc hoặc bán với số lượng nhỏ.

- Bán lẻ có nhiều hình thức thực hiện đa dạng hơn bán buôn. Cụ thể là:
  - \* Bán lẻ thu tiền trực tiếp: là hình thức người bán hàng thu tiền ngay của KH.
  - \* Bán lẻ tự phục vụ: KH mua hàng tự lấy hàng và đem ra bàn thanh toán.

Các siêu thị phần lớn áp dụng hình thức này khá phổ biến.

- \* Bán hàng tự động: là việc DN thương mại sử dụng các máy bán hàng tự động để bán các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ của mình.

❖ **Bán hàng theo phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng:** Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán, bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá. Số hàng hóa gửi đại lý vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, số hàng hóa này được xác định là tiêu thụ khi doanh nghiệp nhận được tiền do bên đại lý thanh toán hoặc thông báo số hàng đã bán được.

❖ **Bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng:** Doanh nghiệp dùng hàng hóa của mình để đổi lấy những mặt hàng thiết yếu mà công ty có nhu cầu. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa được cung ứng trên thị trường.

❖ **Bán hàng theo phương thức tiêu thụ nội bộ:** Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa dịch vụ giữa các đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một tổng công ty, một tập đoàn, một xí nghiệp.

❖ **Bán hàng theo phương thức trả góp, trả chậm:** Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền trả chậm phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua thì hàng được coi là tiêu thụ (về thực chất, người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua trả hết tiền).

#### **1.1.4. Một số vấn đề cơ bản về chi phí trong doanh nghiệp vừa và nhỏ**

##### **✚ Khái niệm**

- Chi phí: là giá trị tiền tệ của các khoản hao phí bỏ ra nhằm thu được các loại tài sản, hàng hóa hoặc các dịch vụ

##### **✚ Phân loại chi phí**



- **Giá vốn hàng bán:** là giá trị tương ứng với lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán được của doanh nghiệp trong một khoảng thời gian nhất định.

- **Chi phí quản lý kinh doanh**

*Theo thông tư 133 chi phí quản lý kinh doanh bao gồm:*

- **Chi phí bán hàng:** là toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động tiêu thụ hàng hoá. Nó bao gồm các khoản chi phí sau:

- Chi phí nhân viên bán hàng: các khoản tiền lương phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hóa, nhân viên vận chuyển hàng đi tiêu thụ và các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn

- Chi phí vật liệu bao bì phục vụ cho việc đóng gói sản phẩm, bảo quản sản phẩm, chi phí nhiên liệu để vận chuyển sản phẩm, hàng hóa đi tiêu thụ, chi phí phụ tùng thay thế sửa chữa TSCĐ cho bộ phận bán hàng.

- Chi phí dụng cụ, đồ dùng phục vụ cho bộ phận bán hàng như các dụng cụ đo lường, bàn ghế, máy tính cá nhân ...

- Chi phí khấu hao TSCĐ: Chi phí khấu hao TSCĐ dùng ở khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa trong thời gian quy định và bảo hành.

- Chi phí bảo hành sản phẩm: Là các khoản chi phí bỏ ra để sửa chữa, bảo hành sản phẩm, hàng hóa trong thời gian quy định và bảo hành.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bộ phận bán hàng như: chi phí điện, nước, điện thoại, chi phí sửa chữa TSCĐ, tiền thuê kho bãi, tiền thuê bốc vác vận chuyển hàng hóa đi tiêu thụ, chi phí hoa hồng phải trả cho đại lý các đơn vị nhận ủy thác xuất khẩu ....

- Chi phí khác bằng tiền đã chi ra để phục vụ cho hoạt động bán hàng như: chi phí giới thiệu sản phẩm, hàng hóa, chi phí chào hàng, quảng cáo, chi phí tiếp khách cho bộ phận bán hàng, chi phí tổ chức hội nghị khách hàng, chi phí bảo hành sản phẩm...

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các khoản chi phí sau:

- Tiền lương, các khoản phụ cấp, các khoản trích theo tiền lương phải trả cho cán bộ nhân viên làm việc ở các phòng ban trong doanh nghiệp.
  - Văn phòng phẩm, vật liệu, công cụ dùng cho công tác quản lý phục vụ và sửa chữa dùng chung cho toàn doanh nghiệp
  - Dụng cụ đo lường, thí nghiệm các loại máy văn phòng (không đủ tiêu chuẩn làm tài sản cố định).
  - Chi phí thuê văn phòng, khấu hao nhà làm việc, và Tài sản cố định dùng cho bộ phận quản lý trích vào chi phí
  - Các dịch vụ mua ngoài dùng cho công tác quản lý như: Tiền điện nước, sửa chữa tài sản cố định
  - Các khoản thuế, lệ phí phải nộp nhà nước như: Thuế đất, thuế môn bài, lệ phí giao thông.
  - Các khoản chi phí khác bằng tiền: Khánh tiết, hội nghị, công tác phí.
  - Các khoản dự phòng như: Dự phòng nợ phải thu khó đòi
  - Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ.
- Các khoản chi phí trên sẽ được theo dõi, quản lý chặt chẽ tiết kiệm và nó là chi phí được tính là hợp lý khi hạch toán xác định kết quả kinh doanh

#### ❖ Chi phí hoạt động tài chính

- Là các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; các khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư khác; các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ ...

#### ❖ Chi phí khác

• Là những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Chi phí khác của doanh nghiệp, gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ

- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có)
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác

- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính
- Các khoản chi phí khác

#### ❖ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

• Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp

- Mục đích áp dụng chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp là nhằm:

+ Tạo cho nhà nước một khoản thu gắn với hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp nói riêng và của toàn nền kinh tế nói chung.

+ Bao quát và điều tiết được các khoản thu nhập đã, đang và sẽ phát sinh của cơ sở kinh doanh hoạt động trong nền kinh tế thị trường.

+ Thông qua ưu đãi về thuế suất, về miễn thuế, giảm thuế, khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào Việt Nam.

+ Tạo sự công bằng giữa các doanh nghiệp trong sản xuất, kinh doanh, phù hợp với chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần và trong tiến trình hội nhập ở nước ta hiện nay.

+ Thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế xác định như sau:

**Thu nhập chịu thuế = Doanh thu – Chi phí được trừ + Các khoản thu nhập khác**

- Thu nhập tính thuế được xác định theo công thức sau:

**Thu nhập tính thuế = Thu nhập chịu thuế – (Thu nhập được miễn thuế + Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định)**

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định theo công thức sau:

**Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất thuế TNDN**

#### 1.1.5. Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

- Kết quả kinh doanh là phần thu nhập còn lại sau khi trừ đi tất cả các chi phí. Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của mọi doanh nghiệp.

- **Kết quả kinh doanh** của doanh nghiệp bao gồm kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh; kết quả hoạt động tài chính; kết quả hoạt động khác.

❖ **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:** Là khoản chênh lệch giữa doanh thu thuần trừ đi giá vốn hàng bán và chi phí quản lý kinh doanh trong một kỳ kế toán

**Kết quả hoạt động KD = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán – Chi phí quản lý kinh doanh**

Trong đó: **Doanh thu thuần = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ – Các khoản giảm trừ doanh thu** (*chiết khấu, giảm giá, hàng bán bị trả lại, thuế TTDB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp*).

❖ **Kết quả hoạt động tài chính:** Là chênh lệch giữa thu nhập từ hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

**Kết quả kinh doanh từ hoạt động tài chính = Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí hoạt động tài chính**

❖ **Kết quả hoạt động khác:** Là chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác với các khoản chi phí khác.

**Kết quả kinh doanh khác = Thu nhập khác – Chi phí khác**

**Lợi nhuận trước thuế:**

Lợi nhuận trước thuế	=	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	+	Lợi nhuận từ hoạt động khác
----------------------	---	---	---	-----------------------------

**Lợi nhuận sau thuế TNDN:**

Lợi nhuận sau thuế TNDN	=	Lợi nhuận trước thuế	-	Chi phí thuế TNDN
-------------------------	---	----------------------	---	-------------------

**1.2. Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

**1.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ**

**1.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

❖ Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, Giấy báo có của ngân hàng)
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng**

**Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

- Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất, kinh doanh.

**Các TK cấp 2:**

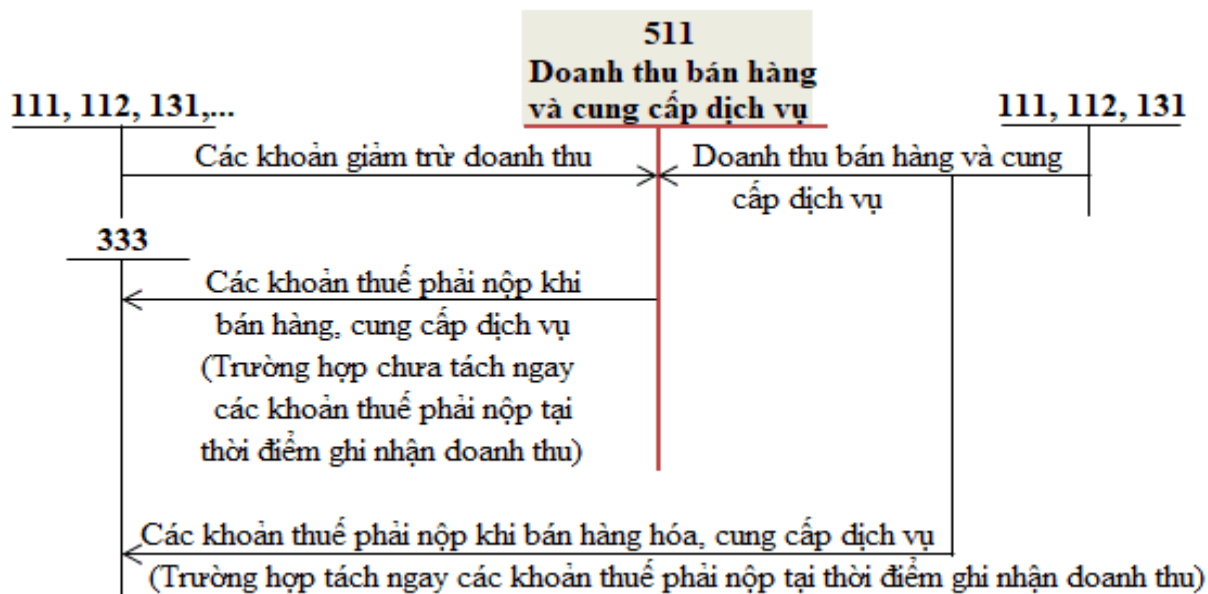
- *Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa:* Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp.
- *Tài khoản 5112 - Doanh thu bán thành phẩm:* Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm (thành phẩm, bán thành phẩm) được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp.

- *Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ:* Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán.
- *Tài khoản 5118 - Doanh thu khác:* Tài khoản này dùng để phản ánh về doanh thu nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư, các khoản trợ cấp, trợ giá của Nhà nước...

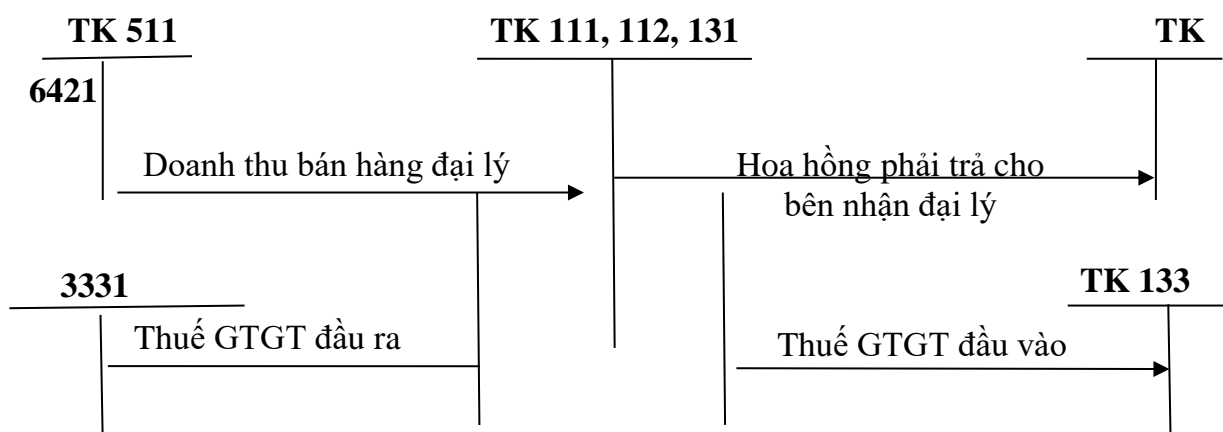
***Kết cấu của tài khoản 511:***

<b>Nợ</b>	<b>TK 511</b>	<b>Có</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản thuế gián thu phải nộp theo phương pháp trực tiếp.</li> <li>- Các khoản giảm trừ doanh thu;</li> <li>- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.</li> </ul>	
<b>∑ Phát sinh Nợ</b>		<b>∑ Phát sinh Có</b>

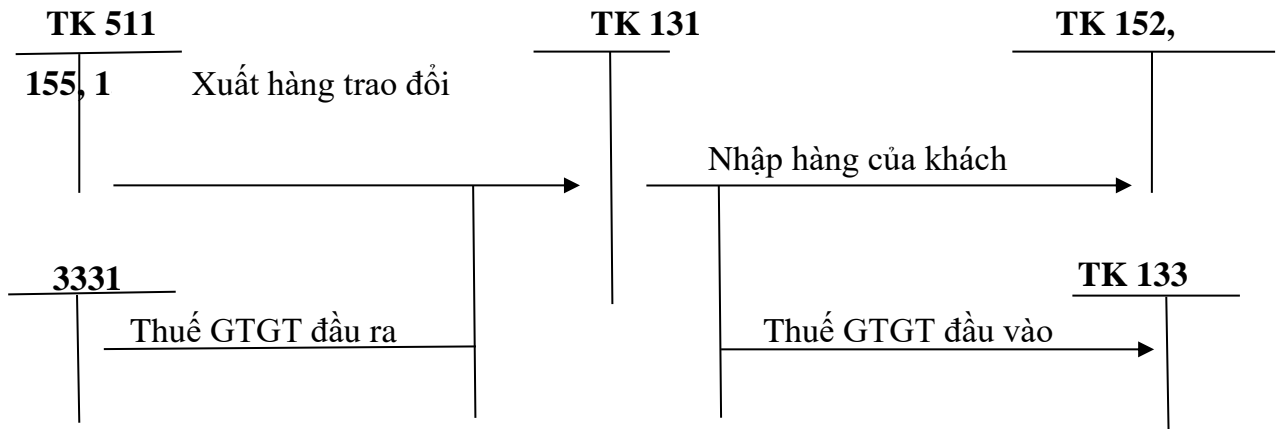
***Tài khoản 511 không có số dư đầu và cuối kỳ.***

**Sơ đồ hạch toán**

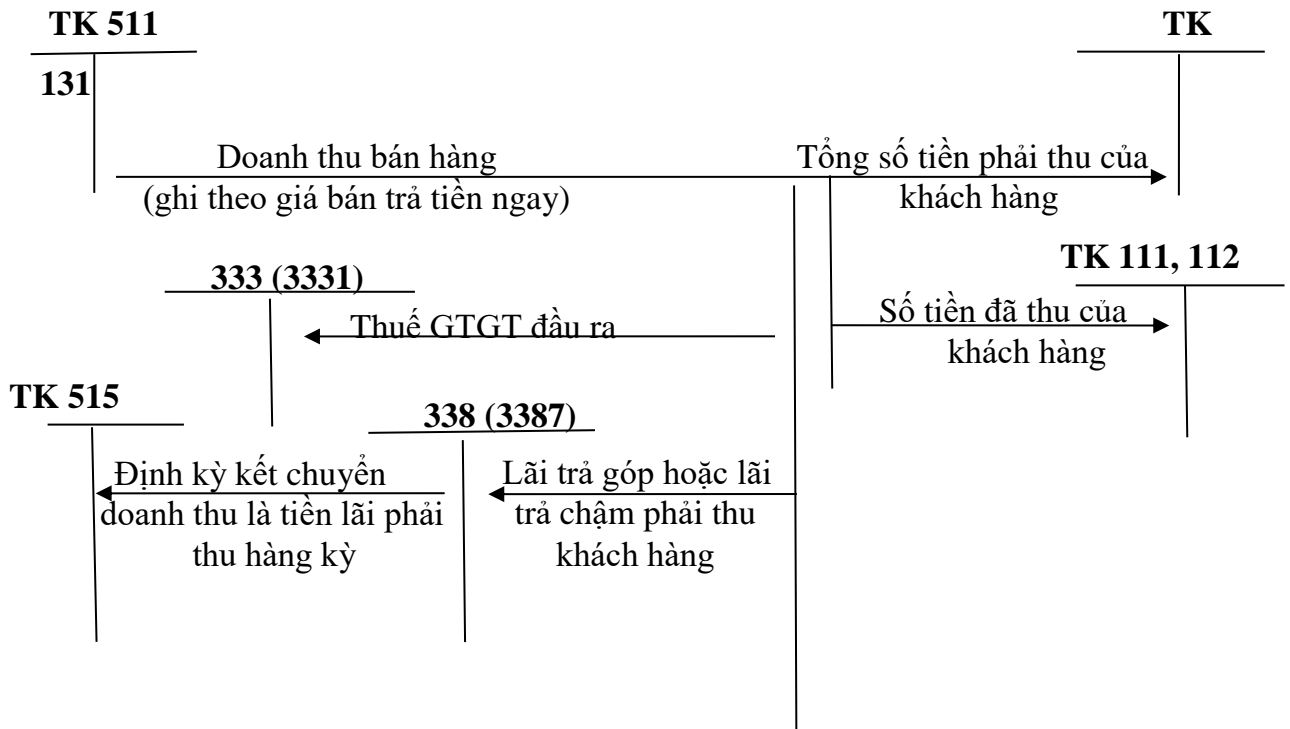
**Sơ đồ 1.1: KẾ TOÁN DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ THEO PHƯƠNG THỨC TRỰC TIẾP**



**Sơ đồ 1.2: KẾ TOÁN DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ THEO PHƯƠNG THỨC BÁN HÀNG QUA ĐẠI LÝ**



**Sơ đồ 1.3: KẾ TOÁN DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ THEO PHƯƠNG THỨC HÀNG ĐỔI HÀNG**



**Sơ đồ 1.4: KẾ TOÁN DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ THEO PHƯƠNG THỨC TRẢ GÓP, TRẢ CHẬM**



### **1.2.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính:**

#### **❖ Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

#### **❖ Tài khoản sử dụng**

##### **Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính**

- Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp, gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ,...

- Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn,

- Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;

- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ; lãi do bán ngoại tệ;

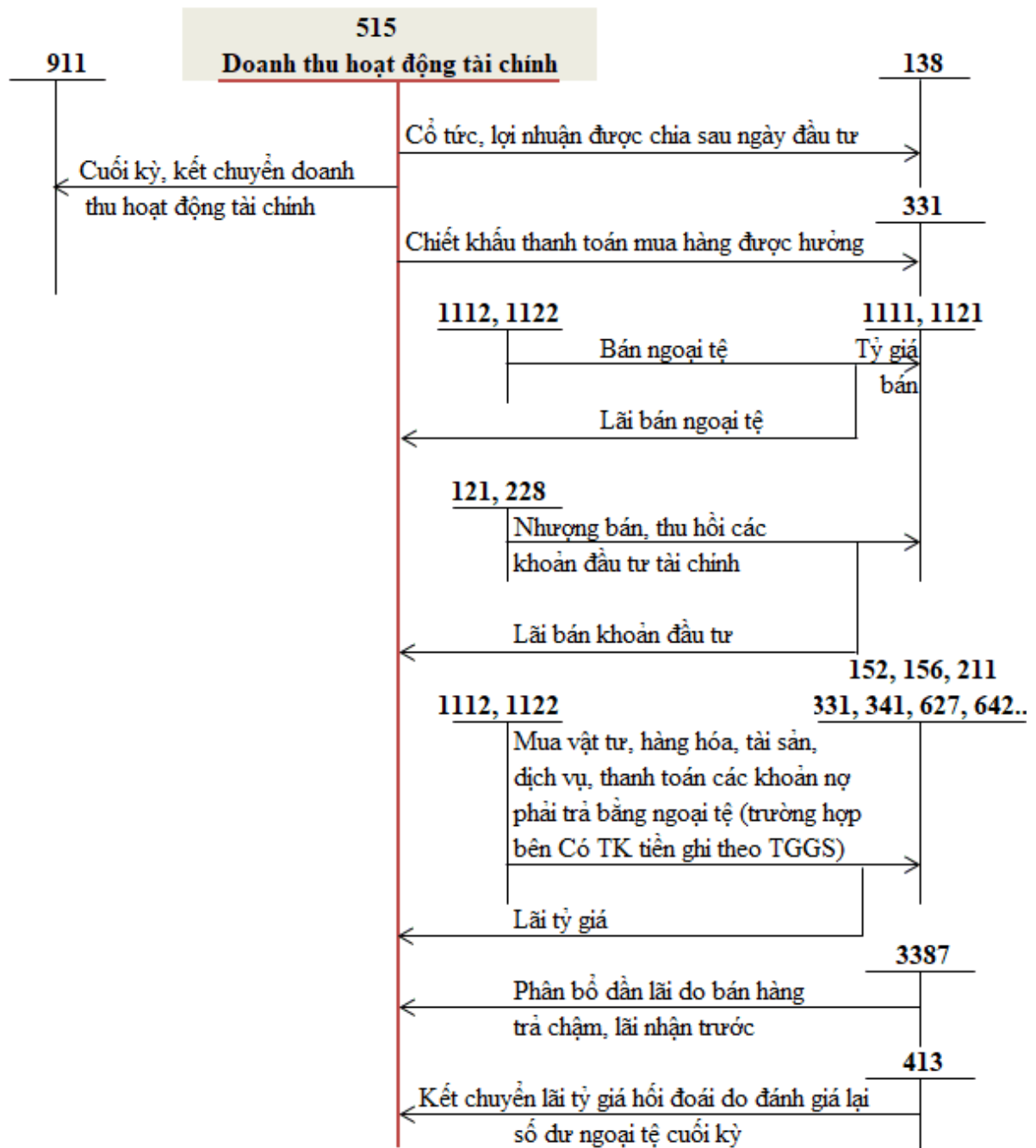
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

***Kết cấu tài khoản***

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp (nếu có).</li> <li>- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.</li> <li>- Chiết khấu thanh toán được hưởng.</li> <li>- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.</li> <li>- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.</li> <li>- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ.</li> <li>- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.</li> <li>- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.</li> <li>- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.</li> </ul>	
$\Sigma$ Phát sinh Nợ	$\Sigma$ Phát sinh Có	

**Tài khoản 515 không có số dư đầu và cuối kỳ.**

## ❖ Sơ đồ hạch toán

**Sơ đồ 1.5: KẾ TOÁN DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH****1.2.1.3. Kế toán thu nhập khác:**

## ❖ Chứng từ sử dụng

- Biên bản bàn giao, thanh lý TSCĐ, phiếu thu, giấy báo có...
- Phiếu kế toán....

❖ **Tài khoản sử dụng**

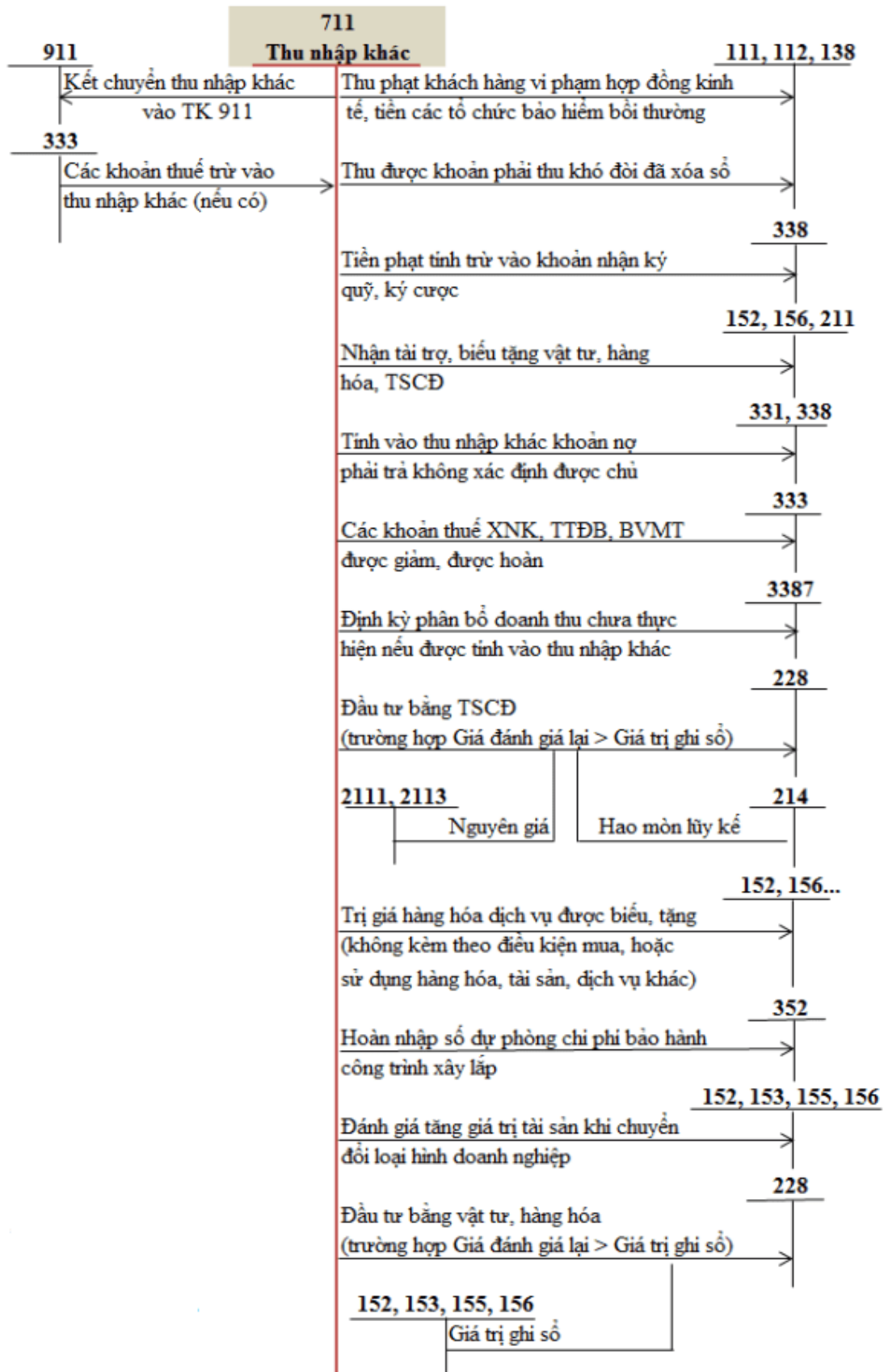
**TK 711 – Thu nhập khác:** Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của DN, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác.
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm).
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên ...

❖ **Kết cấu tài khoản 711**

Nợ	TK 711	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế giá trị gia tăng phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;</li> <li>- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.</li> <li>- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.</li> <li>- Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.</li> <li>- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, bằng hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp.</li> <li>- Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót.</li> </ul>	
<b>Σ Phát sinh Nợ</b>		<b>Σ Phát sinh Có</b>

**Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.**



**Sơ đồ 1.6: KẾ TOÁN THU NHẬP KHÁC**

**1.2.2. Tổ chức kế toán chi phí trong doanh nghiệp vừa và nhỏ****1.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán:****Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán**

- Để tính giá trị hàng hóa xuất kho, kế toán có thể áp dụng một trong ba phương pháp tính giá trị hàng xuất kho theo quy định trong “Chuẩn mực kế toán Hàng tồn kho”:

- Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)
- Phương pháp thực tế đích danh
- Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập hoặc cuối kỳ

**❖ Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)**

- Theo phương pháp này kế toán giả định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước. Xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Giá thực tế của hàng nhập trước sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối cùng hoặc gần cuối kỳ.

**❖ Phương pháp thực tế đích danh**

- Theo phương pháp này, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất kho loại hàng nào thì tính theo giá thực tế đích danh của loại hàng đó.

**❖ Phương pháp bình quân gia quyền**

***Trị giá hàng xuất kho = Số lượng hàng xuất kho x Đơn giá bình quân***

- *Bình quân gia quyền cả kỳ:*

$$\text{Đơn giá BQ cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá TT tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá TT nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn ĐK} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

- *Bình quân gia quyền liên hoàn:*

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập}_i = \frac{\text{Trị giá thực tế HTK sau lần nhập}_i}{\text{Lượng thực tế HTK sau lần nhập}_i}$$

**❖ *Chứng từ sử dụng***

- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn bán hàng
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ ***Tài khoản kế toán sử dụng***

**Tài khoản 632– Giá vốn hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí cho thuê BĐSĐT theo phương thức cho thuê hoạt động; chi phí nhượng bán, thanh lý BĐSĐT...

❖ **Kết cấu tài khoản 632:**

- Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ:

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ.</li> <li>• Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.</li> <li>• Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.</li> <li>• Chi phí xây dựng tự chế tạo TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế tạo hoàn thành.</li> <li>• Kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ.</li> <li>• Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.</li> <li>• Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa tiêu thụ;</li> <li>- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ;</li> <li>- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính;</li> <li>- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”;</li> <li>- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.</li> <li>- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.</li> </ul>
<b>∑ Phát sinh Nợ</b>		<b>∑ Phát sinh Có</b>

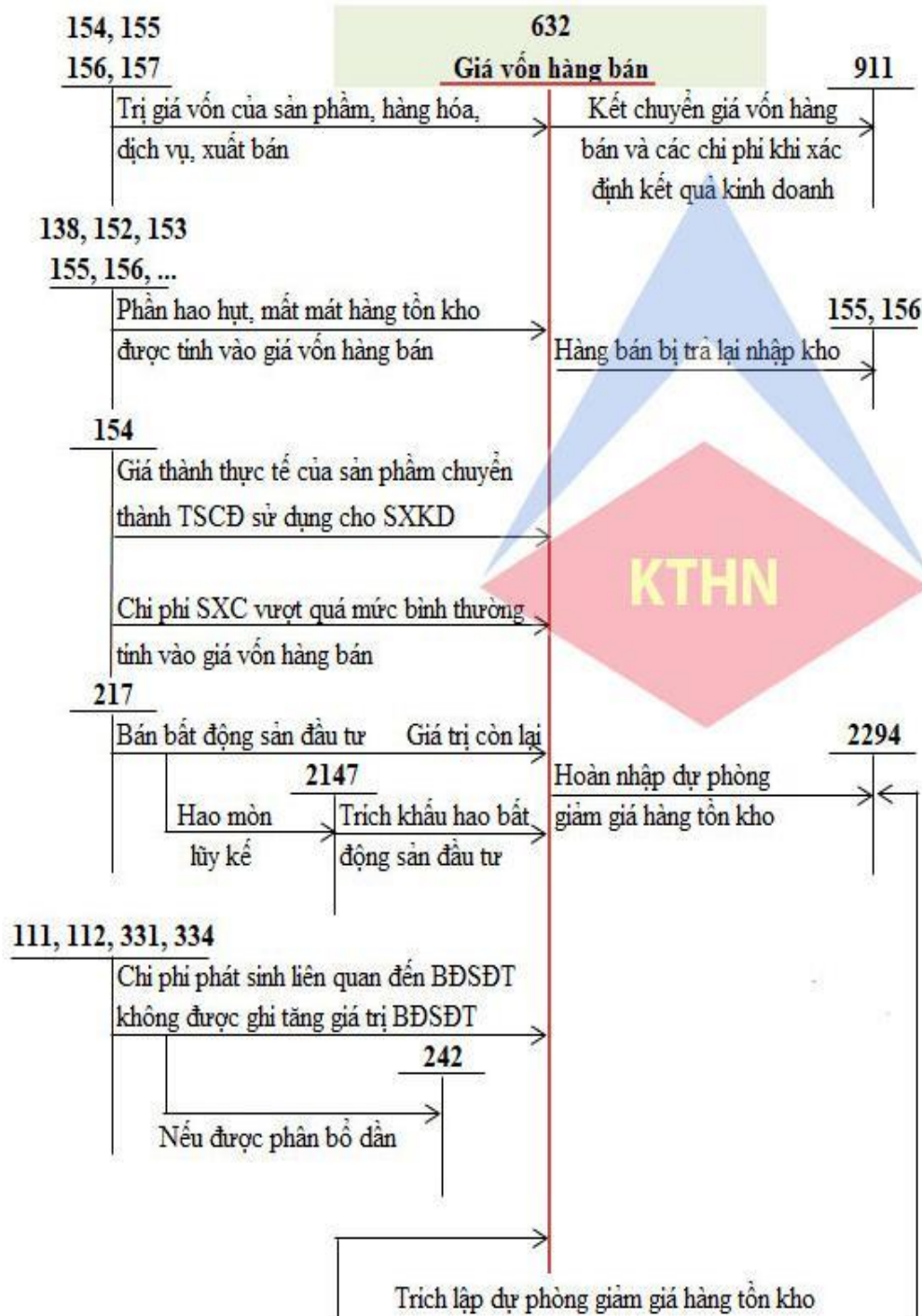
*Tài khoản 632 không có số dư đầu và cuối kỳ.*



❖ *Sơ đồ hạch toán*

THÔNG TƯ 133/2016/TT-BTC

**KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN**  
(Theo phương pháp kê khai thường xuyên)

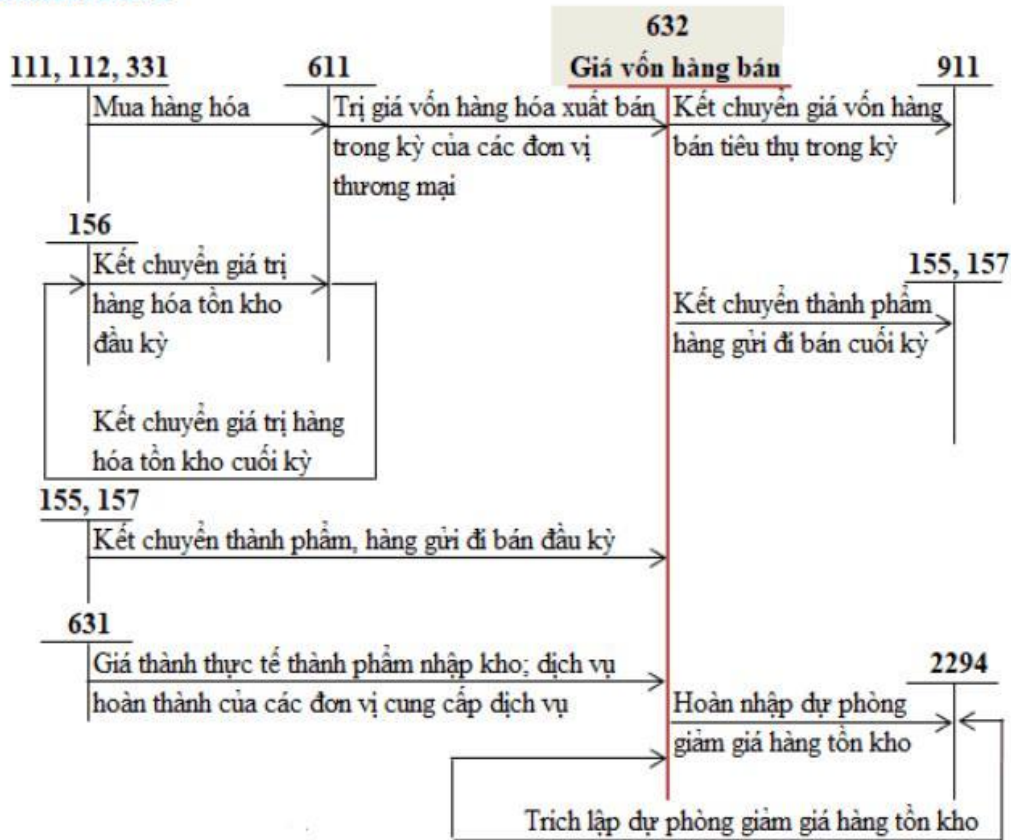


**Sơ đồ 1.7: KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN THEO PHƯƠNG PHÁP KÊ KHAI THƯỜNG XUYÊN**



11/01/2019 11:01:01

## KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN (Theo phương pháp kiểm kê định kỳ)



### Sơ đồ 1.8: KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN THEO PHƯƠNG PHÁP KIỂM KÊ ĐỊNH KỲ

#### 1.2.2.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính:

##### ❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Phiếu kế toán
- Giấy báo nợ...

##### ❖ Tài khoản sử dụng

#### Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

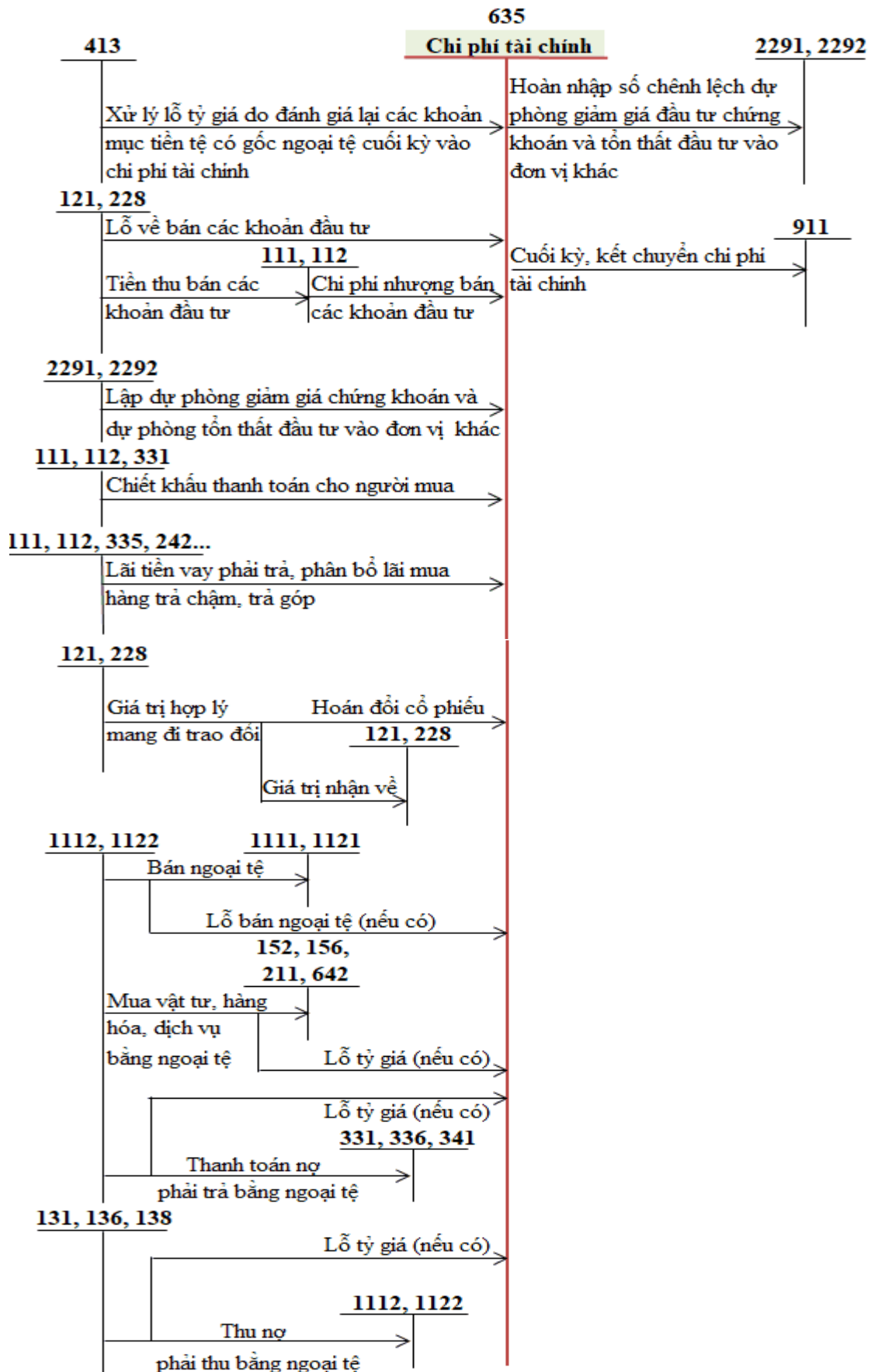
- Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

❖ *Kết cấu của tài khoản 635:*

Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi do thuê tài sản;</li> <li>- Chiết khấu thanh toán cho người mua;</li> <li>- Lỗ khi bán ngoại tệ;</li> <li>- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;</li> <li>- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;</li> <li>- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;</li> <li>- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;</li> <li>- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính;</li> <li>- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;</li> <li>- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kì.</li> </ul>
<b>∑ Phát sinh Nợ</b>		<b>∑ Phát sinh Có</b>

*Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.*

❖ *Sơ đồ hạch toán*



**Sơ đồ 1.9: KẾ TOÁN CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

**1.2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh:****❖ Chứng từ sử dụng**

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, Giấy báo nợ ngân hàng
- Phiếu kế toán....

**❖ Tài khoản kế toán sử dụng****TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh**

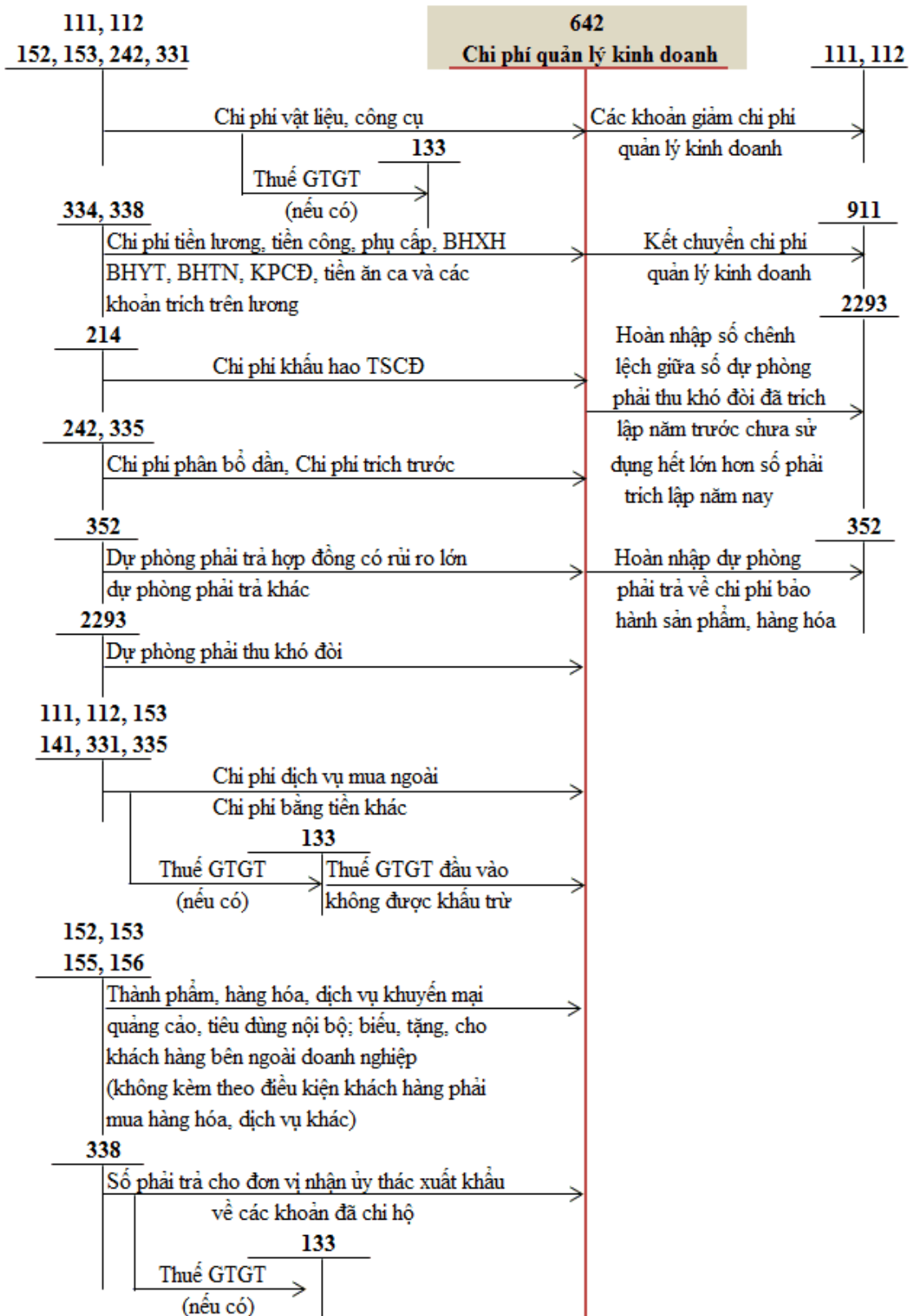
- Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:
- *Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng:* Phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp và tình hình kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.
- *Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp:* Phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ và tình hình kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

**❖ Kết cấu của tài khoản 642:**

Nợ	TK 642	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ;</li> <li>- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh;</li> <li>- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);</li> <li>- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911</li> </ul>	
<b>∑ Phát sinh Nợ</b>		<b>∑ Phát sinh Có</b>

*Tài khoản 642 không có số dư đầu và cuối kỳ.*

**Sơ đồ hạch toán**



**Sơ đồ 1.10: KẾ TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH**

**1.2.2.4 . Kế toán chi phí khác:****❖ Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi
- Phiếu kế toán

**❖ Tài khoản sử dụng****Tài khoản 811 – Chi phí khác**

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ.

- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát.

- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ.

- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).

- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác.

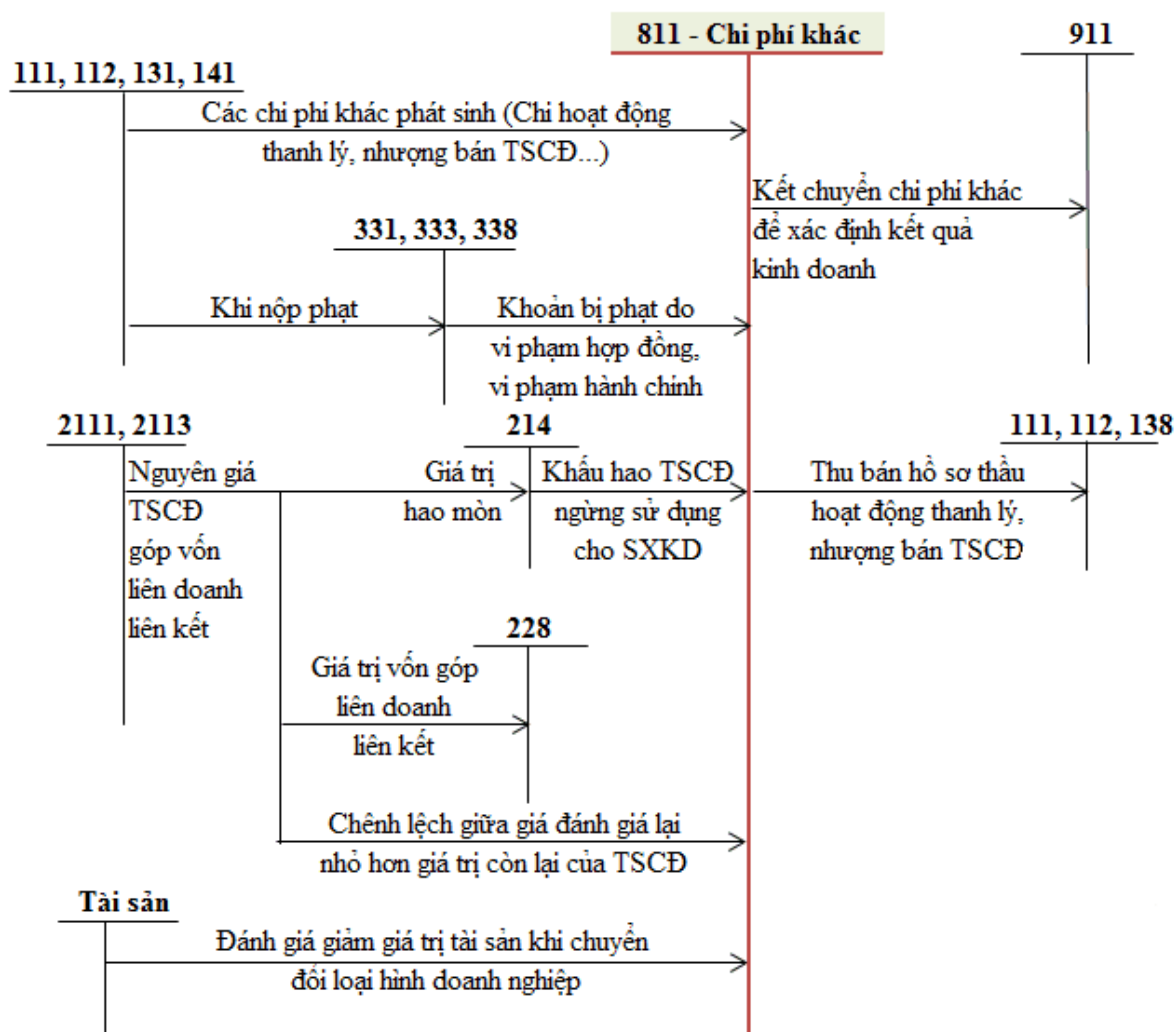
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính.

- Các khoản chi phí khác.

**❖ Kết cấu tài khoản 811:**

Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.		- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
<b><math>\Sigma</math> Số phát sinh Nợ</b>		<b><math>\Sigma</math> Số phát sinh Có</b>

**Tài khoản 811 không có số dư đầu và cuối kỳ.**

**Sơ đồ hạch toán****Sơ đồ 1.11: KẾ TOÁN CHI PHÍ KHÁC****1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh****❖ Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

**❖ Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối



- **Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

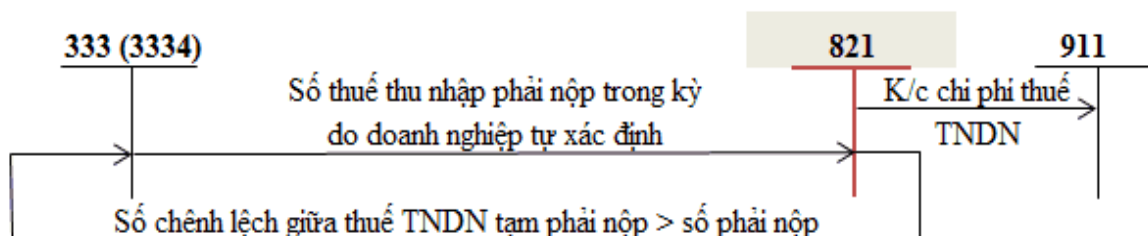
- Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

***Kết cấu của tài khoản 821:***

Nợ	TK 821	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm;</li> <li>- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm;</li> <li>- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước;</li> <li>- Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.</li> </ul>	
<b>∑ Phát sinh Nợ</b>		<b>∑ Phát sinh Có</b>

***Tài khoản 821 không có số dư đầu và cuối kỳ.***

❖ ***Sơ đồ hạch toán***



**Sơ đồ 1.12: CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

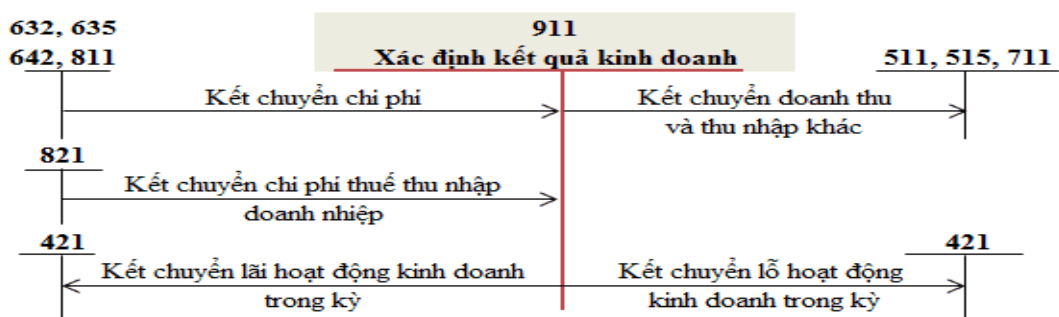
- **Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh**

- ❖ **Kết cấu của tài khoản 911**

Nợ	TK911	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;</li> <li>- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;</li> <li>- Chi phí quản lý kinh doanh;</li> <li>- Kết chuyển lãi sau thuế.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;</li> <li>- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thu nhập doanh nghiệp;</li> <li>- Kết chuyển lỗ.</li> </ul>
$\Sigma$ Phát sinh Nợ		$\Sigma$ Phát sinh Có

**Tài khoản 911 không có số dư đầu và cuối kỳ.**

- ❖ **Sơ đồ hạch toán**



**Sơ đồ 1.13: KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH**

• **Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối**

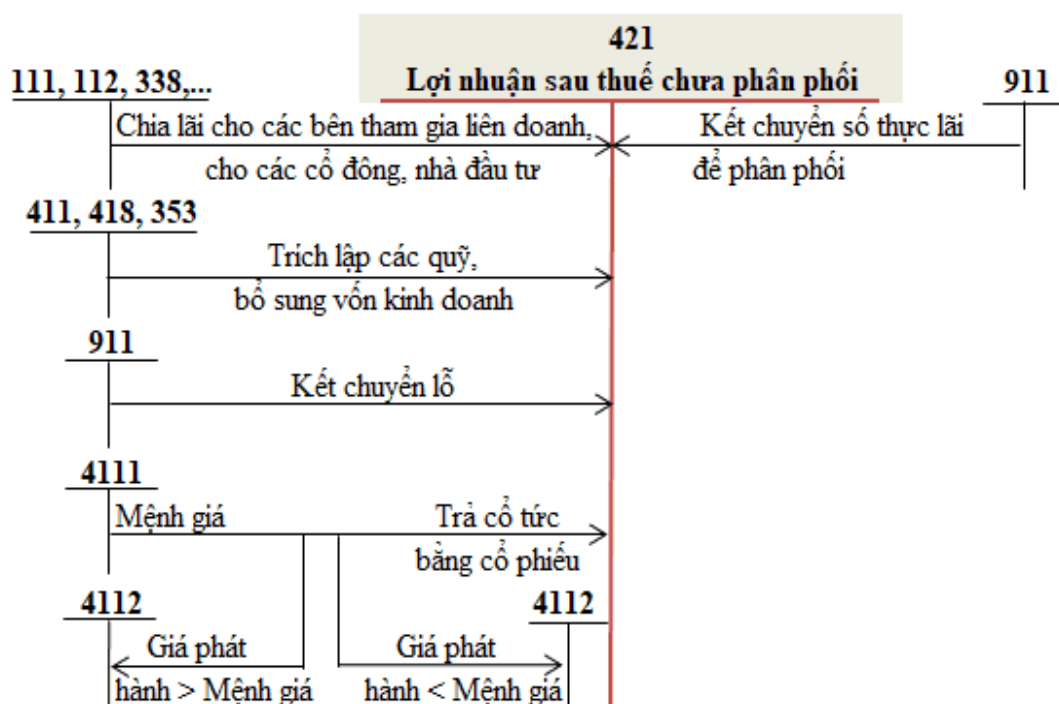
Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 4211 : Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.*
- *Tài khoản 4212 : Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.*

❖ **Kết cấu của tài khoản 421:**

Nợ	TK 421	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;</li> <li>- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp;</li> <li>- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh;</li> <li>- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh;</li> <li>- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kì;</li> <li>- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên;</li> <li>- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.</li> </ul>	
<b>∑ Phát sinh Nợ</b>		<b>∑ Phát sinh Có</b>

❖ *Sơ đồ hạch toán***Sơ đồ 1.14. KẾ TOÁN LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI****1.3. Các hình thức kế toán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.****1.3.1.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung**

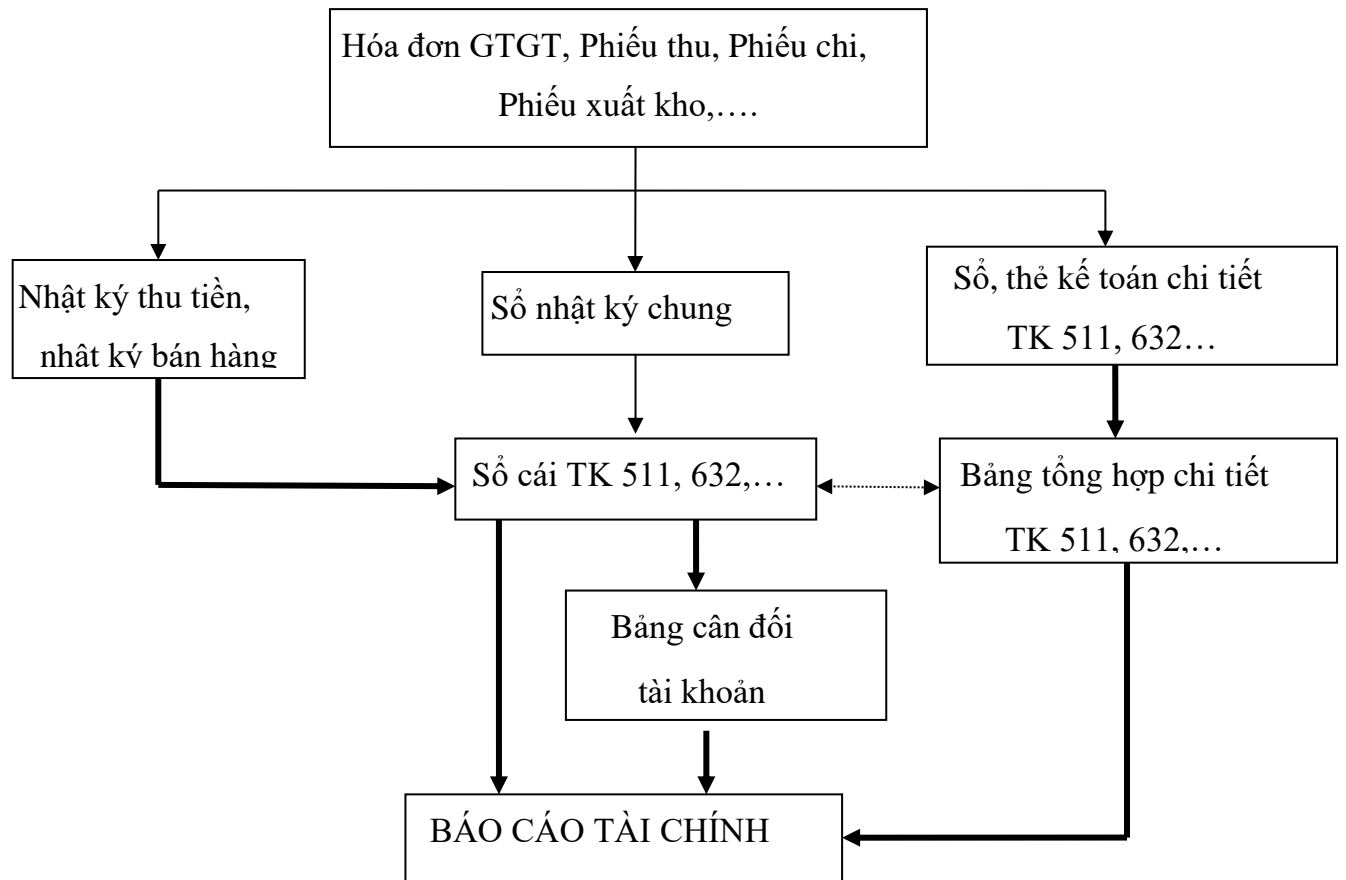
Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi sổ cái cho từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- + Nhật ký chung; sổ nhật ký đặc biệt
- + Sổ cái
- + Sổ, thẻ chi tiết

**1.3.1.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung**

**Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung**



**Ghi chú:** Ghi hàng ngày: —————→  
 Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: —————→  
 Đối chiếu: <----->

**1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái**

**1.3.2.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái**

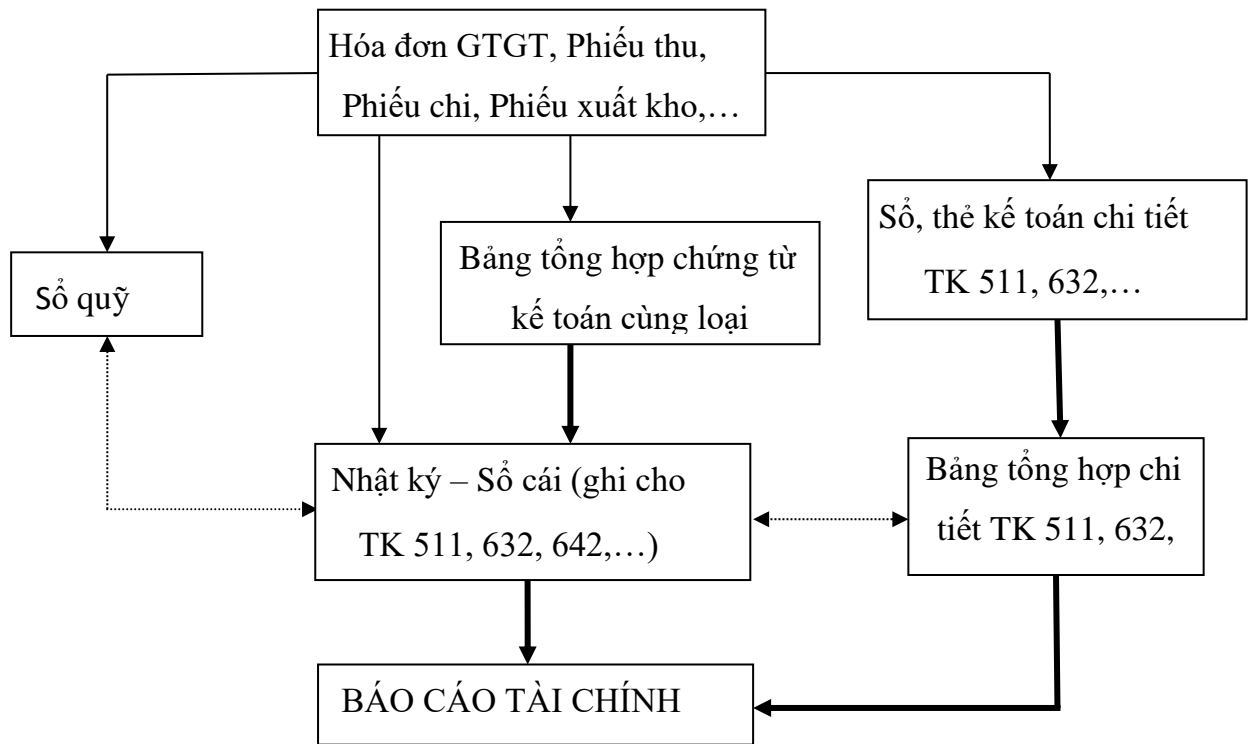
Đặc trưng cơ bản: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ vào sổ Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm có các loại sổ chủ yếu sau:

- + Nhật ký – Sổ cái
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

**1.3.2.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái**

**Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái**



- Ghi chú:**
- Ghi hàng ngày:
  - Ghi cuối tháng hoặc định kỳ:
  - Đối chiếu:

**1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**

**1.3.3.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**

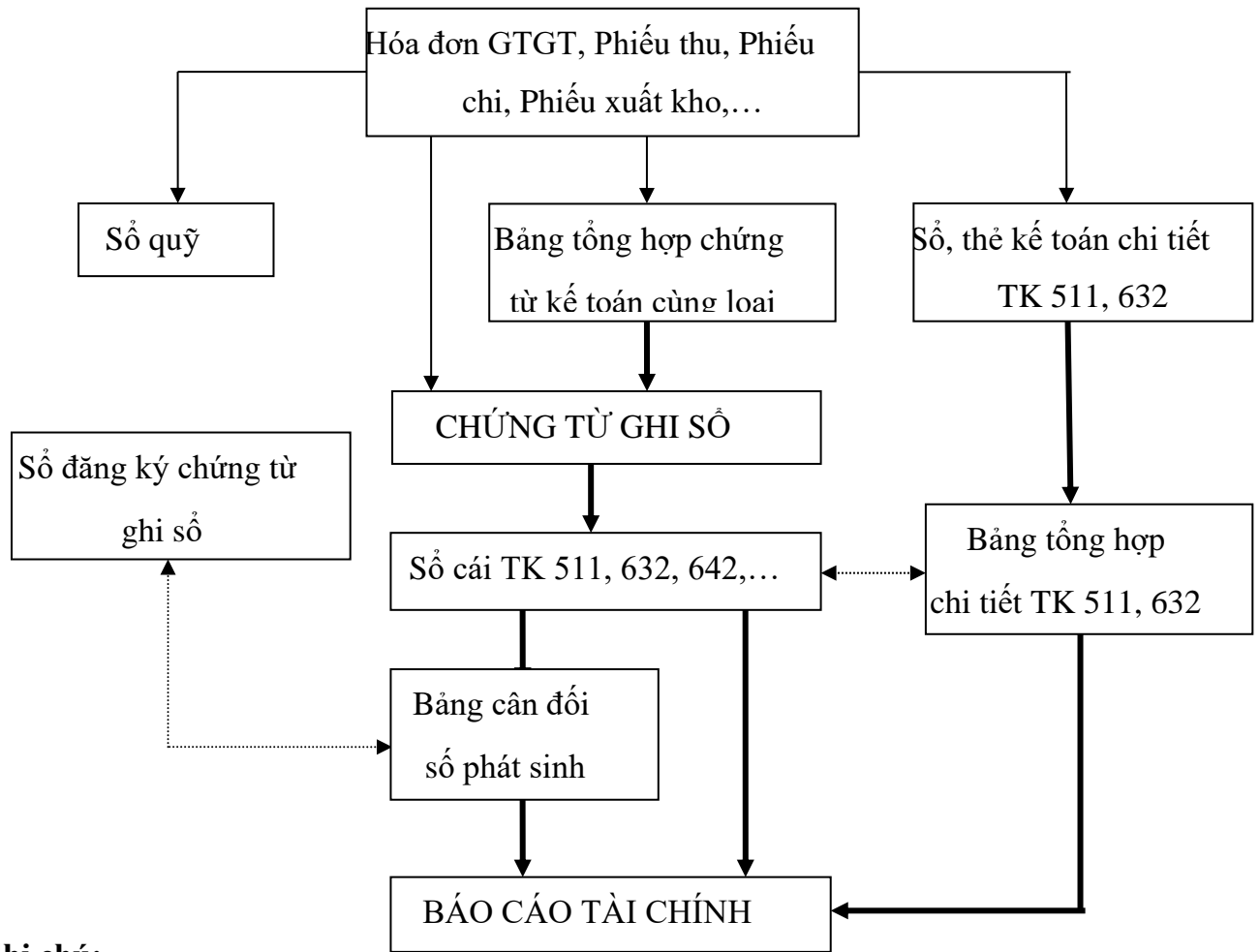
Đặc trưng cơ bản: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

1.3.3.2. *Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ*

Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày: —————→
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ —————→
- Đối chiếu: ↔

1.3.4. **Hình thức kế toán trên Máy vi tính**

1.3.4.1. *Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính*

Đặc trưng cơ bản: Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong 3 hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán trên.

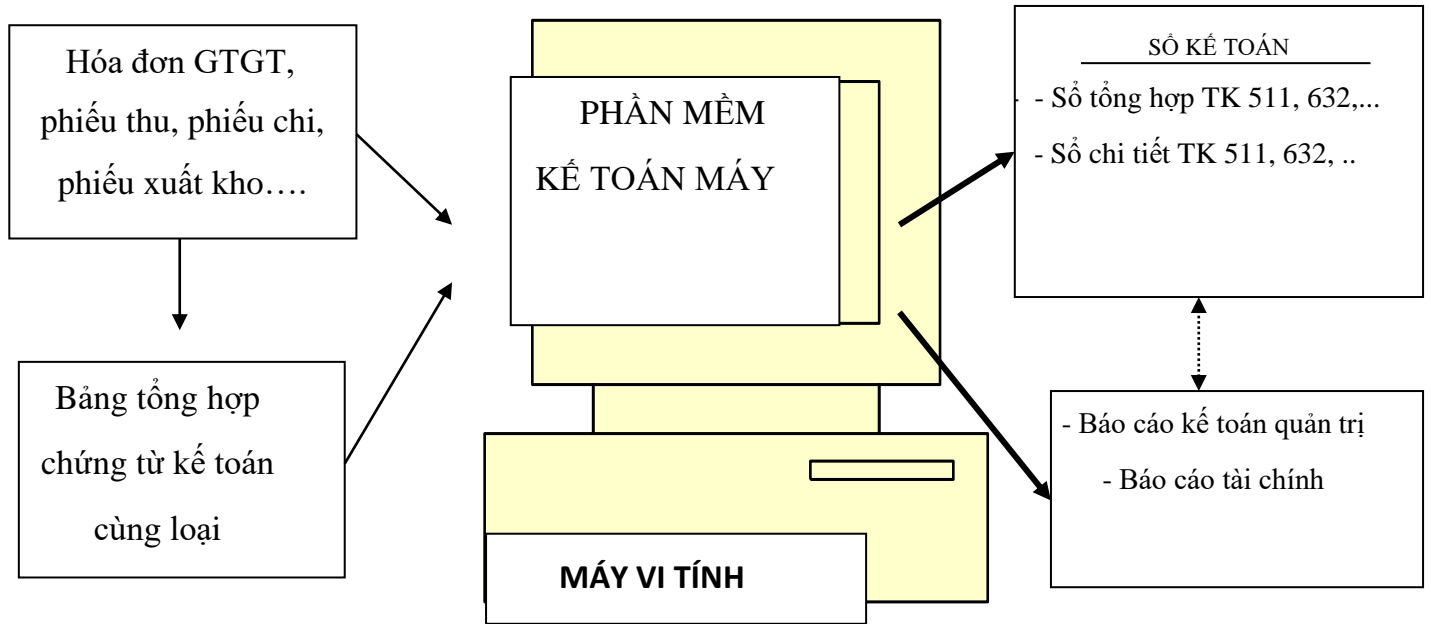
Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không bắt buộc hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

**1.3.4.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính**

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Cuối tháng, kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ và lập Báo cáo tài chính.

**Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính**



**Ghi chú:** Nhập số liệu hàng ngày:  $\longrightarrow$   
 In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm:  $\longrightarrow$   
 Đối chiếu, kiểm tra:  $\longleftrightarrow$



## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

#### TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HÙNG VƯƠNG

#### 2.1. Giới thiệu chung về Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương.

##### 2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HÙNG VƯƠNG
- Tên tiếng anh là: HUNG VUONG SHIPPING JOIN STOCK COMPANY
- Tên viết tắt là: HUNG VUONG SHIP.JSC
- Địa chỉ: Số 1A phố Cù Chính Lan- Phường Minh Khai- Quận Hồng Bàng- Hải Phòng.
- Số điện thoại liên lạc : 0982640046
- Vốn điều lệ : 10.000.000.000 (Mười tỷ đồng).
- Người đại diện pháp lý: Ông Bùi Ngọc Anh
- Mã số thuế : 0200563578
- Ngày cấp giấy phép : 16/09/2013
- Ngày hoạt động : 01/10/2013 ( đã hoạt động được 16 năm)
- Ngành nghề kinh doanh chính: Bốc xếp hàng hóa

**Quá trình hình thành và phát triển của công ty:** Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương được thành lập ngày 16 tháng 9 năm 2003 có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh – đăng ký thuế theo số 0200563578 được quản lý bởi Cục thuế Thành phố Hải Phòng. Công ty đã hoạt động được khoảng 16 năm, ngành nghề chính là bốc xếp hàng hóa.

##### **Mục tiêu của công ty:**

Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh về vận tải hàng hóa bằng container, xe tải kết hợp với việc kinh doanh các lĩnh vực khác nhằm thu lợi nhuận tối đa.

##### 2.1.2. Tổng quan về lĩnh vực hoạt động của công ty

Những dịch vụ mà công ty thường tiến hành là:

- Bốc xếp hàng hóa.

- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải ( trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác).
- Vận tải hành khách bằng đường bộ.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải....

### **2.1.3. Những thuận lợi, khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động**

- Trong quá trình hoạt động của mình công ty có nhiều thuận lợi nhưng cũng gặp không ít khó khăn

#### **\* Thuận lợi:**

- Đội ngũ nhân viên trẻ tuổi, năng động, nhiệt huyết, luôn nỗ lực hết mình vì công việc và đặc biệt là tinh thần trách nhiệm rất cao, có tinh thần và kỹ năng làm việc tốt

- Môi trường làm việc văn minh, lành mạnh và chuyên nghiệp

- Cơ sở vật chất tốt như: xe đời mới, phương tiện ổn định.

- Bộ máy quản lý chuyên nghiệp, nhất quán, dễ dàng kiểm tra, kiểm soát

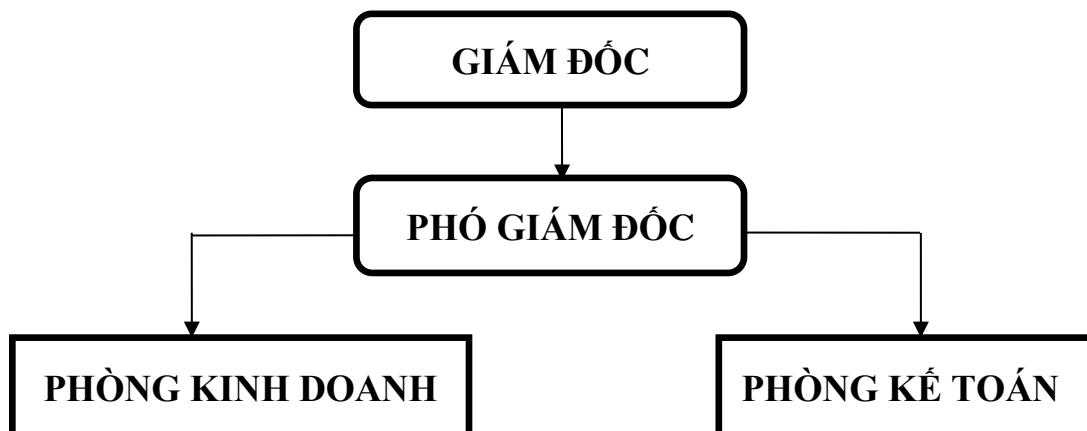
#### **\* Khó khăn:**

- Đội ngũ nhân viên còn trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm nên ban đầu còn gặp nhiều khó khăn vướng mắc trong việc tuyển lái xe.

-Nhiều đối thủ cạnh tranh trên thị trường .

- Giá xăng dầu không ổn định làm cho chi phí của công ty bị biến động theo giá xăng dầu

### **2.1.4. Hệ thống tổ chức bộ máy quản lý của công ty**



**Sơ đồ 2.1:** Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương

*Nhiệm vụ và chức năng của các phòng ban:*

❖ Giám đốc:

- Là người chịu kết quả, người có quyền hạn cao nhất đối với mọi kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.
- Là người trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động sản xuất kinh doanh và sắp xếp tổ chức bộ máy nhân sự kinh doanh của công ty.
- Là người chịu trách nhiệm trước Nhà nước và tập thể cán bộ công nhân viên của công ty.

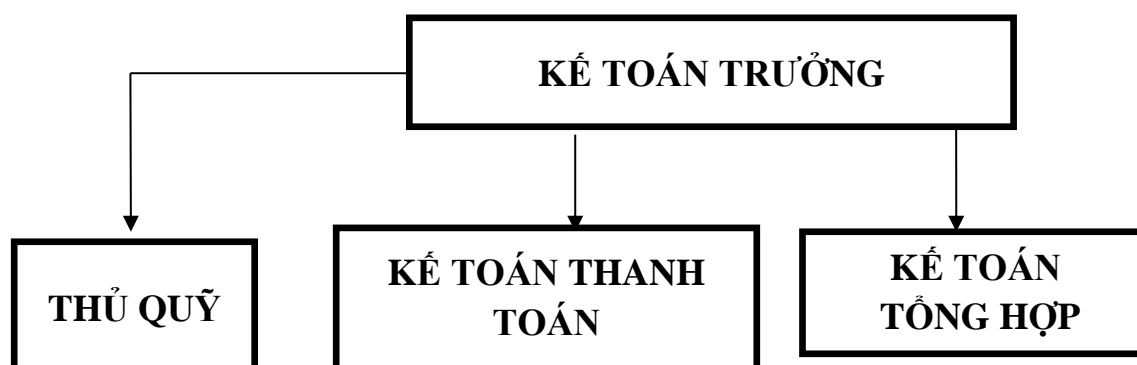
❖ Phó giám đốc:

- Là người được giám đốc ủy quyền tất cả các công việc khi giám đốc đi vắng, quan hệ đối tác với khách hàng.

❖ Phòng kinh doanh:

- Chịu sự chỉ đạo trực tiếp từ giám đốc hoặc phó giám đốc, phụ trách các vấn đề về kinh doanh cũng như quan hệ đối tác với khách hàng.
- Dự báo cáo vấn đề về hàng hóa và dịch vụ, đề xuất các phương án giá cả và lập kế hoạch kinh doanh cho cả công ty.

❖ Phòng kế toán:



**Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương**

- *Kế toán trưởng:*

- \* Phụ trách, chỉ đạo toàn diện công tác kế toán của Công ty.
- \* Là kiểm soát viên kinh tế tài chính.

- \* Phân tích, cung cấp thông tin kinh tế tài chính cho Ban lãnh đạo Công ty, là người chịu trách nhiệm chính cao nhất trước giám đốc và pháp luật về những số liệu báo cáo kế toán.
  - \* Kế toán trưởng kiêm chức kiểm phòng kế toán tài vụ và kế toán tổng hợp, xác định kết quả kinh doanh, lập báo cáo tài chính...
  - \* Xử lý các hóa đơn chứng từ và thuế.
- *Kế toán thanh toán*: Theo dõi các khoản công nợ giữa công ty với khách hàng và nhà cung cấp. Lập báo cáo nhanh về các khoản công nợ để báo cáo lên kế toán trưởng và giám đốc.
  - *Kế toán tổng hợp*: Tập hợp chi phí theo số liệu phát sinh ngày, tổ chức ghi chép, tổng hợp số liệu nhập xuất, các loại vốn, các quỹ của công ty để xác định lãi lỗ, lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế. Có chức năng giúp giám đốc phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên.
  - *Thu quỹ*: Đảm nhận công việc thu chi tiền mặt, lưu trữ hồ sơ, cập nhật chứng từ, báo cáo quỹ hàng ngày, đóng các chứng từ sổ sách có liên quan.

#### **2.1.5. Đặc điểm chính sách và phương pháp kế toán Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương áp dụng**

##### **❖ Chế độ kế toán.**

- Chế độ kế toán: Hiện nay công ty áp dụng theo chế độ kế toán Việt Nam, được ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC
- Chế độ chứng từ: Công ty áp dụng hệ thống chứng từ bắt buộc do Bộ Tài Chính ban hành. Các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều có chứng từ kế toán chứng minh.
- Hệ thống tài khoản: Công ty áp dụng hệ thống tài khoản trong bảng hệ thống tài khoản thống nhất và mở các tài khoản chi tiết phù hợp với việc hạch toán của kế toán.
- Công ty áp dụng: hình thức kế toán Nhật ký chung..
- Doanh nghiệp nộp thuế theo: phương pháp khấu trừ.
- Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch hàng năm
- Đơn vị tính và sử dụng trong ghi chép kế toán là: đồng Việt Nam(VND).

## 2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương.

### 2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương

❖ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT.
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, Giấy báo có của ngân hàng.....
- Các chứng từ khác có liên quan.

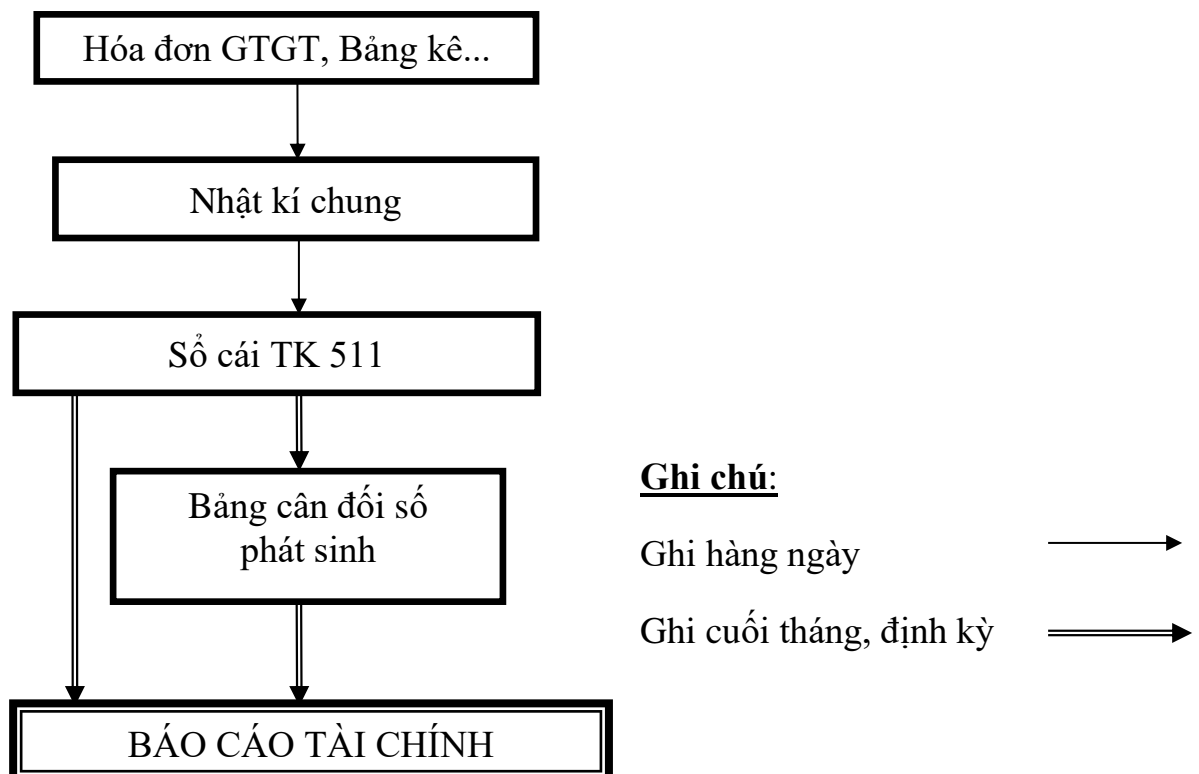
❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

❖ Sổ sách sử dụng:

- Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 511.

❖ Quy trình hạch toán:



**Sơ đồ 2.3:** Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương

- **Ví dụ minh họa:** Ngày 01/12/2019, vận chuyển thép cho Công ty TNHH Xây Dựng Và Thương Mại Hòa Bình, số tiền 9.300.000 đồng, theo hóa đơn số 0002045 (chưa VAT 10%), khách hàng chưa thanh toán. Căn cứ vào HĐ 0002045, kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 131: 10.230.000

Có TK 511 : 9.300.000

Có TK 3331 : 930.000

- **Ví dụ minh họa:** Ngày 05/12/2019, vận chuyển thép cho Công ty Cp thép HP, số tiền 2.000.000 đồng, theo hóa đơn số 0002050 (chưa VAT 10%), khách hàng thanh toán bằng tiền mặt

- Căn cứ vào HĐ 0002050, kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 111: 2.200.000

Có TK 511 : 2.000.000

Có TK 3331 : 200.000

**Biểu số 2.1. Hóa đơn GTGT HD 0002045**

<b>HÓA ĐƠN</b>			Mẫu số: 01 GTKT3/001		
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			Ký hiệu: AA/18P		
Liên 3: Nội bộ			Số: <b>0002045</b>		
Ngày 01 tháng 12 năm 2019					
Đơn vị bán hàng: <b>Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương</b>					
Mã số thuế: 0200563578					
Địa chỉ: Số 1A Cù Chính Lan – Minh Khai – Hồng Bàng – Hải Phòng					
Điện thoại: 0225.356.9258			Fax: 0225.356.9257		
Số TK: 012000142568 tại ngân hàng Vietcombank – CN Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Vũ Văn Quang					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Và Thương Mại Hòa Bình					
Địa chỉ: Xóm Cả, Xã Liên Vũ, Huyện Lạc Sơn, Tỉnh Hòa Bình					
Mã số thuế: 5400503913					
Hình thức thanh toán: TM/ CK			Số TK:		
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Cước vận chuyển				9.300.000
Cộng tiền hàng:					9.300.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		930,000
Tổng cộng tiền thanh toán:					10.230.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Mười triệu, hai trăm ba mươi nghìn đồng chẵn.</i>					
<b>Người mua hàng</b> (Ký, ghi họ tên)		<b>Người bán hàng</b> (Ký, ghi họ tên)		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (Ký, đóng dấu, họ tên)	

**Biểu số 2.2. Bảng kê số 01/12**

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HÙNG VƯƠNG

**BẢNG KÊ VẬN CHUYỂN**

(Kèm theo hóa đơn 0002045 ngày 01/12/2019)

Khách hàng: Công ty TNHH Xây Dựng Và Thương Mại Hòa Bình

Địa chỉ: Xóm Cỏ, Xã Liên Vũ, Huyện Lạc Sơn, Tỉnh Hòa Bình

Mã số thuế: 5400503913

Hình thức thanh toán: TM/ CK

ST T	Ngày tháng	Biển số xe	Điểm nhận hàng	Điểm giao hàng	Loại hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ/tấn)	Thành tiền
1	01/12/2019	15C-812.16	Cảng Vật Cách	114 Phùng Hưng, Hữu Nghị, Hòa Bình	Thép	Tấn	5	1.860.000	9.300.000
<b>Cộng</b>							<b>5</b>		<b>9.300.000</b>
<b>THUẾ GTGT 10%</b>									<b>930.000</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>									<b>10.230.000</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đại diện đơn vị



**Biểu số 2.3. Hóa đơn GTGT HD 0002050.**

<b>HÓA ĐƠN</b>			Mẫu số: 01 GTKT3/001		
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			Ký hiệu: AA/18P		
Liên 3: Nội bộ			Số: <b>0002050</b>		
Ngày 05 tháng 12 năm 2019					
Đơn vị bán hàng: <b>Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương</b>					
Mã số thuế: 0200563578					
Địa chỉ: Số 1A Cù Chính Lan - Minh Khai - Hồng Bàng - Hải Phòng					
Điện thoại: 0225.356.9258			Fax: 0225.356.9257		
Số TK: 012000142568 tại ngân hàng Vietcombank - CN Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị : Công ty Cổ phần Thép Miền Bắc					
Địa chỉ: Km 89 - Phường Hùng Vương - Quận Hồng Bàng - Hải Phòng.					
Mã số thuế: 0200643618					
Hình thức thanh toán: TM			Số tài khoản:		
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Cước vận chuyển				2.000.000
Cộng tiền hàng:					2.000.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		200.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					2.200.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu, hai trăm nghìn đồng chẵn/.					
<b>Người mua hàng</b> (Ký, ghi họ tên)		<b>Người bán hàng</b> (Ký, ghi họ tên)		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (Ký, đóng dấu, họ tên)	

**Biểu số 2.4. Bảng kê số 05/12**

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HÙNG VƯƠNG

**BẢNG KÊ VẬN CHUYỂN***(Kèm theo hóa đơn 0002050 ngày 05/12/2019)*

Khách hàng: Công ty Cổ phần Thép Miền Bắc

Địa chỉ: Km 89 - Phường Hùng Vương - Quận Hồng Bàng - Hải Phòng.

Mã số thuế: 0200643618

Hình thức thanh toán: TM

STT	Ngày tháng	Biển số xe	Điểm nhận hàng	Điểm giao hàng	Loại hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ/tấn)	Thành tiền
1	05/12/2019	15C-012.65	Cảng Vật Cách	Km 89 - Phường Hùng Vương - Quận Hồng Bàng - Hải Phòng.	Thép	Tấn	5	400.000	2.000.000
<b>Cộng</b>							<b>5</b>		<b>2.000.000</b>
<b>THUẾ GTGT : 10%</b>									<b>200.000</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>									<b>2.200.000</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đại diện đơn vị

**Biểu số 2.5. Trích sổ Nhật Ký Chung.**

Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương  
Địa chỉ: Số 1A Cù Chính Lan, Minh Khai,  
Hồng Bàng, HP

Mẫu số S03a-DNN  
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-  
BTC ngày 26/8/2016 của  
Bộ Tài chính)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Trích năm 2019

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
HD 2045	01/12	Vận chuyển thép cho Công ty TNHH Xây Dựng Và Thương Mại Hòa Bình	131	511 3331	10.230.000	9.300.000 930.000
....	....	....	....	....	....	....
HD 2050 PT 015	05/12	Vận chuyển thép cho Công ty Cổ phần Thép Miền Bắc	111	511 3331	2.200.000	2.000.000 200.000
....	....	....	....	....	....	....
PC112 HD0034	16/12	Chi mua văn phòng phẩm	642 133	111	3.000.000 300.000	3.300.000
GBC 391	28/12	Công ty TNHH Nam Trang thanh toán phí dịch vụ	112	131	12.400.000	12.400.000
GBC 400	29/12	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng	112	515	200.450	200.450
....	....	....	....	....	....	....
		Cộng lũy kế năm			<b>123.726.230.350</b>	<b>123.726.230.350</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Người ghi sổ**  
(Ký, ghi họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.6. Trích Sổ cái TK 511**

Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương  
Địa chỉ: Số 1A Cù Chính Lan, Minh Khai,  
Hồng Bàng, HP

Mẫu số S03b-DNN  
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC  
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

**SỔ CÁI**

Trích năm 2019

Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Số hiệu : 511

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		...			
<b>HD 2045</b>	<b>01/12</b>	<b>Vận chuyển thép cho C.ty TNHH Xây Dựng Và Thương Mại Hòa Bình</b>	<b>131</b>		<b>9.300.000</b>
<b>HD 2050</b>	<b>05/12</b>	<b>Vận chuyển thép cho Công ty Cổ phần Thép Miền Bắc</b>	<b>111</b>		<b>2.000.000</b>
HD 2052	05/12	Vận chuyển Sơn công ty TNHH Tuấn Tú	131		4.219.650
....	....	.....	....	....	.....
PKT 20	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	12.342.086.200	
		<b>Cộng phát sinh năm</b>		<b>12.342.086.200</b>	<b>12.342.086.200</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Người ghi sổ**  
(Ký, ghi họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên, đóng dấu)

**2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty CP vận tải biển Hùng Vương**

Nội dung giá vốn hoạt động vận tải bao gồm: các chi phí xăng dầu, khấu hao xe, lương lái xe, các chi phí cầu đường, bến bãi.... Trước hết sẽ được kế toán tập hợp vào TK 154- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Sau đó đến cuối kỳ sẽ được kết chuyển vào TK 632- Giá vốn hàng bán. Trong phạm vi khóa luận này, tác giả xin phép chỉ trình bày từ phần kết chuyển từ TK 154 sang TK 632.

❖ Chứng từ sử dụng:

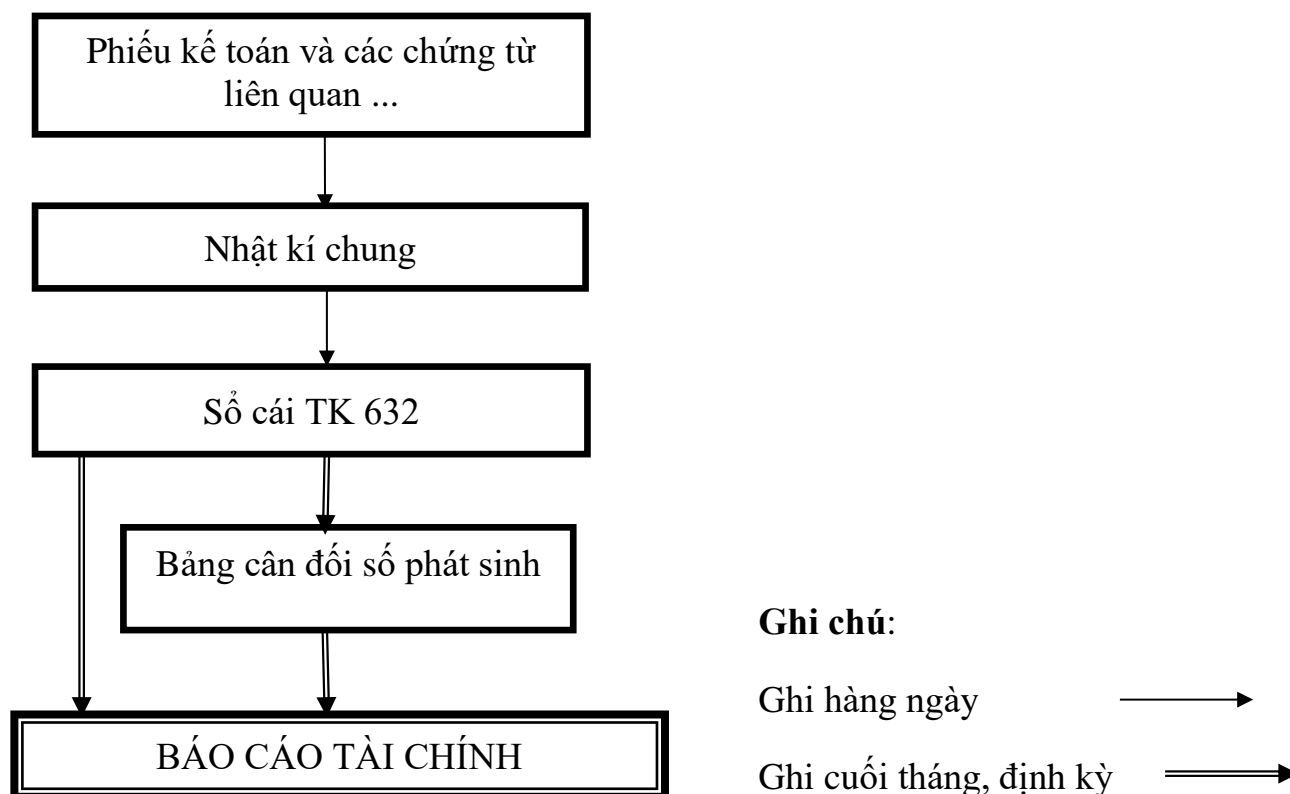
- Phiếu kế toán.
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 632: Giá vốn hàng bán.
- Các TK liên quan khác như: TK 156, 154, 111,...

❖ Sổ sách sử dụng:

- Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 632.



**Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HÙNG VƯƠNG**

Địa chỉ: Số 1A phố Cù Chính Lan – Minh Khai – Hồng Bàng - Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 19

Ngày 31/12/2019

STT	Nội dung	TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	632	154	11.015.436.048
	<b>Cộng</b>			<b>11.015.436.048</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HÙNG VƯƠNG**

Địa chỉ: Số 1A Cù Chính Lan – Minh Khai – Hồng Bàng – Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số: 21

Năm 2019

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	11.015.436.048
2	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911	635	350.365.235
3	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	963.142.754
	<b>Cộng</b>			<b>12.328.944.037</b>

**Người lập**  
(Ký, ghi họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi họ tên)

**Biểu số 2.7. Trích sổ nhật ký chung**

Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương  
Địa chỉ: Số 1A Cù Chính Lan, Minh Khai,  
Hồng Bàng, HP

Mẫu số S03a-DNN  
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày  
26/8/2016 của Bộ Tài chính)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
Trích năm 2019

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
HĐ2045	01/12	Vận chuyển thép cho Công ty TNHH Công ty TNHH Xây Dựng Và Thương Mại Hòa Bình	131	511 3331	10.230.000	9.300.000 930.000
....	....	.....	....	....	.....	.....
HĐ 2050 PT 015	05/12	Vận chuyển Gạch men cho Công ty Cổ phần Thép Miền Bắc	111	511 3331	2.200.000	2.000.000 200.000
PC12 HĐ0034	16/12	Chi mua văn phòng phẩm	642 133	111	3.000.000 300.000	3.300.000
....	....	.....	....	....	.....	.....
<b>PKT19</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển Chi phí sản xuất sang giá vốn</b>	<b>632</b>	<b>154</b>	<b>11.015.436.048</b>	<b>11.015.436.048</b>
<b>PKT21</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển Giá vốn hàng bán</b>	<b>911</b>	<b>632</b>	<b>12.328.944.037</b>	<b>11.015.436.048</b>
<b>PKT21</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển chi phí TC</b>		<b>635</b>		<b>350.365.235</b>
<b>PKT21</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển CP QLKD</b>		<b>642</b>		<b>963.142.754</b>
...	...	...	...	...	...	...
		<b>Cộng lũy kế năm</b>			<b>123.726.230.350</b>	<b>123.726.230.350</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ  
(Ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.8. Trích Sổ cái TK 632.**

Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương

Địa chỉ: Số 1A Cù Chính Lan, Minh Khai, Hồng  
Bàng, HP

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-  
BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)**SỔ CÁI**

Trích năm 2019

Tên TK: Giá vốn hàng bán

Số hiệu : 632

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SH	Số tiền	
SH	NT		TKĐU	Nợ	Có
<b>PKT19</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển chi phí sản xuất dở dang sang giá vốn</b>	<b>154</b>	<b>11.015.436.048</b>	
<b>PKT21</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển giá vốn hàng bán năm 2019</b>	<b>911</b>		<b>11.015.436.048</b>
		<b>Cộng số phát sinh năm</b>		<b>11.015.436.048</b>	<b>11.015.436.048</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ

(Ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)



**2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải biển**

**Hùng Vương**

❖ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, Giấy báo nợ
- Bảng thanh toán lương, bản tính và phân bổ khấu hao...

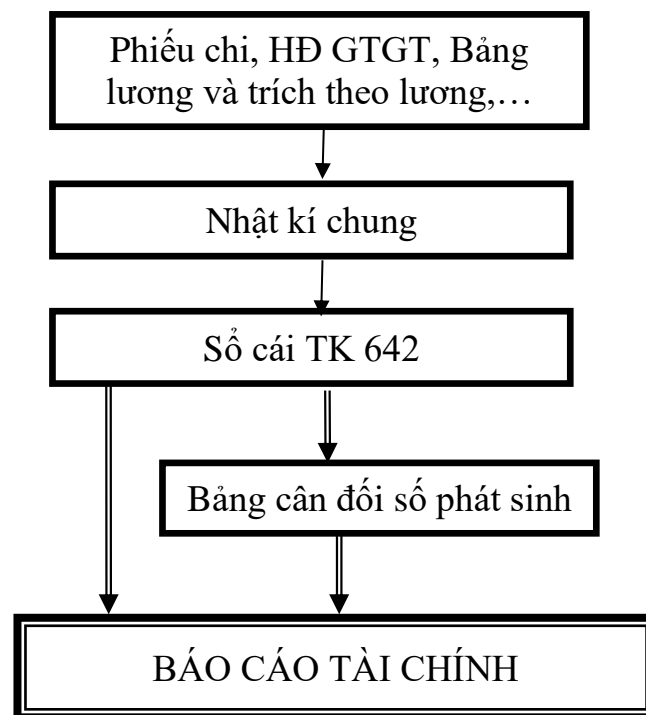
❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh.
- Các TK liên quan khác như: TK 111, 334, 214,...

❖ Sổ sách sử dụng:

- Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 642.

❖ Quy trình hạch toán:



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, định kỳ ==>

**Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương**

**Ví dụ minh họa 1:** Ngày 16/12/2019, Công ty mua văn phòng phẩm phục vụ cho văn phòng với trị giá 3.300.000 theo HĐ GTGT 0000034 (Biểu 2.9), đã thanh toán bằng tiền mặt theo Phiếu chi số 112(Biểu 2.10).

- Căn cứ vào HĐ GTGT 0000034 và Phiếu chi 112, kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 3.000.000

Nợ TK 133: 300.000

Có TK 111: 3.300.000

**Biểu số 2.9. Hoá đơn GTGT số 0000034**

<b>HOÁ ĐƠN</b> <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> Liên 2: Giao khách hàng Ngày 16 tháng 12 năm 2019			Mẫu số :01GTKT3/001 Ký hiệu : TH/18P Số: <b>0000034</b>		
Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY TNHH VĂN PHÒNG PHẨM HẢI PHÒNG</b> Mã số thuế: 0201204412 Địa chỉ: Số 3A/89 Lê Lợi - Phường Máy Tơ – Quận Ngô Quyền-Hải Phòng Điện thoại: 02253.760.128 Số tài khoản:01200124596 Ngân hàng Vietinbank- Mê Linh					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Ngọc Anh Tên đơn vị: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HÙNG VƯƠNG</b> Mã số thuế: 0200563578 Địa chỉ: Số 1A Cù Chính Lan – Minh khai – Hồng Bàng – Hải Phòng Hình thức thanh toán: TM					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Giấy in Double A	Thùng	3	300.000	900.000
2	Bút bi Thiên Long	Hộp	5	70.000	350.000
3	Kẹp tài liệu	Hộp	3	30.000	90.000
4	Bàn dập ghim	Cái	2	145.000	290.000
5	Giá đựng tài liệu	Cái	2	110.000	220.000
...	...	...	...	...	...
Cộng tiền hàng:					3.000.000
Thuế GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT:			300.000
Tổng cộng tiền thanh toán					3.300.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Ba triệu, ba trăm nghìn đồng.</i>					
<b>Người mua hàng</b> (Đã ký)		<b>Người bán hàng</b> (Đã ký)		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (Đã ký và đóng dấu)	

**Biểu số 2.10. Phiếu chi số14**

Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương  
Địa chỉ: Số 1A Cù Chính Lan, Minh Khai,  
Hồng Bàng, HP.

Mẫu số 02 – TT  
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-  
BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

**PHIẾU CHI**

Ngày 16 tháng 12 năm 2019

Số :112

Nợ TK 642: 3.000.000

Nợ TK 133: 300.000

Có TK 111: 3.300.000

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Ngọc Anh

Địa chỉ: Phòng hành chính - CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN HÙNG VƯƠNG

Lý do: Mua văn phòng phẩm

Số tiền: 3.300.000 đồng

Bằng chữ: *Ba triệu, ba trăm nghìn đồng chẵn.*

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 16 tháng 12 năm 2019

**Giám đốc**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Người lập phiếu**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Đã nhận đủ số tiền(bằng chữ): *Ba triệu, ba trăm nghìn đồng chẵn.*

Ngày 16 tháng 12 năm 2019

**Thủ quỹ**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Người nhận tiền**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Ví dụ 2:** Ngày 31/12/2019, Công ty trích khấu hao TSCĐ tháng 12 năm 2019 theo bảng trích khấu hao như sau :

**Biểu số 2.11. Bảng trích khấu hao tháng 12/2019**

Công ty CP vận tải biển Hùng Vương  
Địa chỉ: Số 1A Cù Chính Lan, Minh Khai, HP.

Mẫu số S06- DNN  
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT- BTC ngày 26/08/2016 của  
Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

**BẢNG TÍNH KHẤU HAO TSCĐ**

Tháng 12 năm 2019

STT	Tên tài sản	Ngày tính KH	Số kỳ KH (tháng)	Nguyên giá	Giá trị KH trong kỳ			Giá trị KH lũy kế	Giá trị còn lại
					TK642	TK154	Cộng		
....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	
11	Đầu kéo 15R-04391	01/03/2016	72	634.000.000		8.930.555	8.930.555	366.152.755	267.847.245
12	Ô tô tải 15C- 012.65	01/05/2016	72	700.000.000		9.722.222	9.722.222	408.333.324	291.667.376
....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	
25	Ô tô 4 chỗ 15A-313.56	25/07/2019	60	650.000.000	10.833.333		10.833.333	54.166.667	595.833.333
	<b>Cộng</b>			<b>5.550.000.000</b>	<b>26.744.350</b>	<b>36.977.401</b>	<b>63.721.751</b>	<b>2.394.789.810</b>	<b>3.155.210.190</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Người ghi sổ**  
(Ký, ghi họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Ví dụ 3:** Ngày 31/12/2019, Bảng chấm công và tính lương tháng 12/2019 như sau:

**Biểu số 2.12: Bảng chấm công tháng 12/2019**

Công ty CP vận tải biển Hùng Vương  
Địa chỉ: Số 1A Cù Chính Lan, Minh Khai, HP.

Mẫu số: 01a - LĐTL  
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-  
BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

**BẢNG CHẤM CÔNG**

Bộ phận văn phòng  
Tháng 12 năm 2019

STT	Họ và Tên	Ngày											Ngày công
		1 (T3)	2 (T4)	3 (T5)	4 (T6)	...	26 (T7)	27 (CN)	28 (T2)	29 (T3)	30 (T4)	31 (T5)	
1	Nguyễn Bá Nam	X	X	X	X	...	X		X	X	X	X	27
2	Bùi Kim Anh	X	X	X	X	...	X		X	X	X	X	27
3	Lê Văn Đông	X	X	X/2	X	...	X		X	X	X	X	26,5
4	Bùi Văn Tùng	X	X		X	...	X		0	X	X	X	26
5	Nguyễn Văn Hậu	X	X	X	X	...	X		X	X	X	X	27
6	Đoàn Mai Anh	X	X	X	X	...	X		X	X	X	X	27
	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
	<b>Cộng</b>												<b>215</b>

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019  
**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.13: Bảng thanh toán lương tháng 12/2019**

Công ty CP vận tải biển Hùng Vương  
Địa chỉ: Số 1A Cù Chính Lan, Minh Khai, HP.

Mẫu số: 02 - LĐTTL  
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-  
BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

**BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG**

Tháng 12 năm 2019

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Lương cố định theo HĐ	Lương đóng BH	Ngày công	Phụ cấp xăng xe	Phụ cấp ăn trưa	Tổng thu nhập	Trừ bảo hiểm	Tổng thu nhập thực lĩnh
<b>Bộ phận văn phòng</b>										
1	Nguyễn Bá Nam	GĐ	12.000.000	7.600.000	27	300.000	825.000	13.125.000	798.000	12.327.000
2	Bùi Kim Anh	PGĐ	10.000.000	7.600.000	27	300.000	825.000	11.250.000	798.000	10.452.000
3	Lê Văn Đông	KTT	8.000.000	6.500.000	26,5	300.000	800.000	9.125.000	682.500	8.442.500
4	Bùi Văn Tùng	TP	7.500.000	6.500.000	26	300.000	825.000	8.625.000	682.500	7.942.500
...	.....	....	.....		...	.....	.....	.....	....	.....
	<b>Cộng VP</b>		<b>57.500.000</b>	52.500.000	215	<b>2.400.000</b>	<b>6.600.000</b>	<b>66.500.000</b>	<b>5.512.500</b>	<b>60.987.500</b>
<b>II. Bộ phận lái xe</b>										
1	Hoàng Tùng Anh	LX	6.000.000	5.000.000	27	300.000	825.000	7.125.000	525.000	6.600.000
2	Đặng Tuấn Anh	LX	5.500.000	5.000.000	27	300.000	825.000	6.625.000	525.000	6.100.000
3	Vũ Văn Lên	LX	7.000.000	5.000.000	27	300.000	825.000	8.125.000	525.000	7.600.000
...	.....	....	.....		...	.....	.....	.....	....	.....
	<b>Cộng LX</b>		<b>67.250.000</b>		<b>320</b>	<b>3.600.000</b>	<b>9.900.000</b>	<b>80.750.000</b>	<b>7.911.250</b>	<b>73.838.750</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HÙNG VƯƠNG**  
**Địa chỉ: Số 1A Cù Chính Lan – Minh Khai – Hồng Bàng – Hải Phòng**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số: 21

Năm 2019

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TK Nợ</b>	<b>TK Có</b>	<b>Số tiền</b>
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	11.015.436.048
2	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911	635	350.365.235
3	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	963.142.754
	<b>Cộng</b>			<b>12.328.944.037</b>

**Người lập**  
*(Ký, ghi họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(Ký, ghi họ tên)*



**Biểu số 2.14: Sổ nhật ký chung**

Công ty vận tải biển Hùng Vương

Mẫu số: S03a- DN

Địa chỉ: số 1A Cù Chính Lan, Minh Khai, HP. (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

**NHẬT KÝ CHUNG**

Trích năm 2019

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
.....	.....	.....	....	.....	.....	.....
<b>HĐ00000 34 PC112</b>	<b>16/12</b>	<b>Chi tiền mặt mua VPP</b>	<b>642 133</b>	<b>111</b>	<b>3.000.000 300.000</b>	<b>3.300.000</b>
.....	.....	.....	....	.....	.....	.....
GBC 303	29/12	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng	112	515	65.875	65.875
<b>BKH12</b>	<b>31/12</b>	<b>Trích khấu hao TSCĐ tháng 12</b>	<b>154 642</b>	<b>214</b>	<b>36.977.401 26.744.350</b>	<b>63.721.751</b>
<b>BL 12</b>	<b>31/12</b>	<b>Tính tiền lương phải trả cho bộ phận QLDN</b>	<b>642</b>	<b>334</b>	<b>66.500.000</b>	<b>66.500.000</b>
<b>PKT 21</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh</b>	<b>911</b>	<b>642</b>	<b>963.142.754</b>	<b>963.142.754</b>
		<b>Cộng lũy kế năm</b>			<b>123.726.230.350</b>	<b>123.726.230.350</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Người ghi sổ**  
(Ký, ghi họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.15. Trích Sổ cái TK 642.**

Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương

Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: Số 1A Cù Chính Lan, Minh Khai, Hồng

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

Bàng, HP

ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

**SỔ CÁI**

Trích năm 2019

Tên TK: Chi phí quản lý kinh doanh - Số hiệu : 642

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		...	...	.....	.....
<b>HD0000034 PC112</b>	<b>16/12</b>	<b>Chi tiền mặt mua VPP</b>	<b>111</b>	<b>3.000.000</b>	
		...	...	.....	.....
<b>BKH12</b>	<b>31/12</b>	<b>Trích khấu hao TSCĐ tháng 12</b>	<b>214</b>	<b>26.744.350</b>	
<b>BL 12</b>	<b>31/12</b>	<b>Tính tiền lương phải trả cho bộ phận QLDN</b>	<b>334</b>	<b>66.500.000</b>	
<b>PKT 21</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh</b>	<b>911</b>		<b>963.142.754</b>
		<b>Cộng số phát sinh năm</b>		<b>963.142.754</b>	<b>963.142.754</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi họ tên)

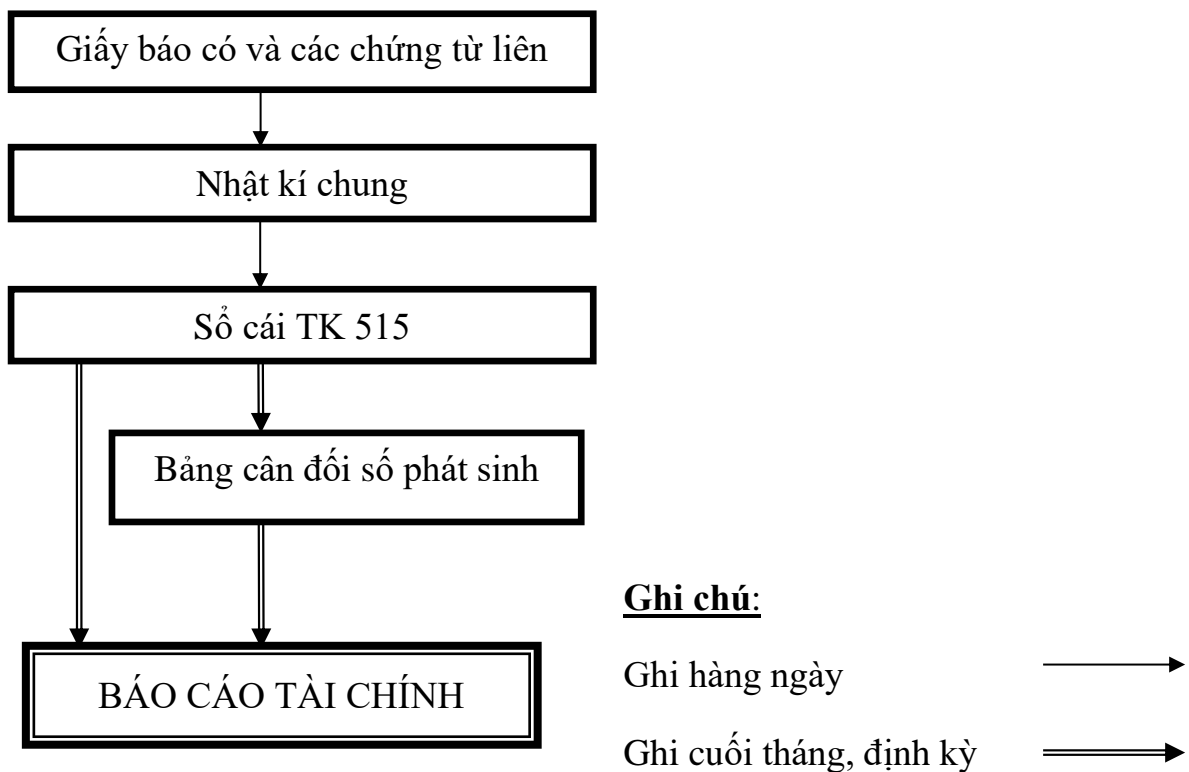
(Ký, ghi họ tên)

(Ký tên, đóng dấu)

### 2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí tài chính tại Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty chủ yếu phát sinh do lãi nhận được từ các khoản tiền gửi ngân hàng, chi phí tài chính phát sinh do phải trả tiền lãi cho các khoản nợ vay.

- Chứng từ sử dụng:
  - Giấy báo Có, Giấy báo nợ.
  - Các chứng từ có liên quan khác.
- Tài khoản sử dụng:
  - TK 112: Tiền gửi ngân hàng
  - TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
  - TK 635: Chi phí tài chính
- Sổ sách sử dụng:
  - Nhật ký chung.
  - Sổ cái TK 515, 635.
- Quy trình hạch toán:



**Sơ đồ 2.6:** Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương.


- **Ví dụ 1:** Ngày 29/12/2019, nhận lãi tiền gửi ngân hàng, số tiền 65.875 đồng. Chứng từ phát sinh là Giấy báo Có số 400.

Căn cứ vào GBC 400 (Biểu 2.13), kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 112 : 65.875

Có TK 515 : 65.875

**Biểu số 2.16. Giấy báo có của ngân hàng Công thương Hải Phòng**

 <b>VietinBank.</b>	<b>GIẤY BÁO CÓ</b> Ngày 29/12/2019	Mã GDV: BTTA Số GD: 00400 Giờ: 15:25:02
NH TMCP Công thương CN Hải Phòng		
Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIÊN HÙNG VƯƠNG Mã số thuế: 0200563578		
Ngân hàng TMCP Công thương xin trân trọng thông báo: tài khoản của Quý khách hàng đã được ghi Có với nội dung như sau:		
Số tài khoản ghi Có: 102010000201678		
Số tiền bằng số: 65.875 đồng		
Số tiền bằng chữ: <i>Sáu mươi lăm nghìn tám trăm bảy mươi năm đồng chẵn</i>		
Nội dung: Lãi tiền gửi tháng 12/2019.		
<b>GIAO DỊCH VIÊN</b>		<b>KIỂM SOÁT</b>


- **Ví dụ 2:** Ngày 31/12/2019, chuyển tiền gửi ngân hàng trả lãi vay tháng 12/2019, số tiền: 25.624.265 đồng. Chứng từ phát sinh là Giấy báo Nợ số 158.

Căn cứ vào GBN158 (Biểu 2.14) , kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 635 : 25.624.265

Có TK 112 : 25.624.265

**Biểu số 2.17. Giấy báo nợ của ngân hàng Công thương Hải Phòng**

 <b>VietinBank.</b>	<b>GIẤY BÁO NỢ</b> Ngày 31/12/2019	Mã GDV: BTTA Số GD: 00158 Giờ: 15:25:02
NH TMCP Công thương CN Hải Phòng		
Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIÊN HÙNG VƯƠNG Mã số thuế: 0200563578		
Ngân hàng TMCP Công thương xin trân trọng thông báo: tài khoản của Quý khách hàng đã được ghi Nợ với nội dung như sau: Số tài khoản ghi Nợ: 102010000201678 Số tiền bằng số: 25.624.265 Số tiền bằng chữ: <i>Hai mươi lăm triệu sáu trăm hai bốn nghìn hai trăm sáu mươi năm đồng chẵn/</i>		
Nội dung: Trả lãi tiền vay tháng 12/2019		
<b>GIAO DỊCH VIÊN</b>		<b>KIỂM SOÁT</b>

**Biểu số 2.18: Trích sổ Nhật ký chung**

Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương  
Địa chỉ: Số 1A Cù Chính Lan, Minh Khai, Hồng  
Bàng, HP

Mẫu số S03a-DNN  
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC  
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Trích năm 2019

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
		...				
HĐ 2045	01/12	Vận chuyển Gạch men Công ty TNHH Xây Dựng và Thương mại Hòa Bình	131	511 3331	10.230.000	9.300.000 930.000
...	...	.....			...	...
PC112 HĐ 0034	16/12	Chi mua văn phòng phẩm	642 133	111	3.000.000 300.000	3.300.000
<b>GBC 400</b>	<b>29/12</b>	<b>Nhận lãi tiền gửi ngân hàng</b>	<b>112</b>	<b>515</b>	<b>65.875</b>	<b>65.875</b>
<b>GBN158</b>	<b>31/12</b>	<b>Trả lãi vay tháng 12/2019</b>	<b>635</b>		<b>25.624.265</b>	
				<b>112</b>		<b>25.624.265</b>
		.....				
		<b>Cộng lũy kế năm</b>			<b>123.726.230.350</b>	<b>123.726.230.350</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Người ghi sổ**  
(Ký, ghi họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.19. Trích Sổ cái TK 515**

Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương  
Địa chỉ: Số 1A Cù Chính Lan, Minh Khai, Hồng  
Bàng, HP

Mẫu số S03b-DNN  
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC  
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

**SỔ CÁI**

Trích năm 2019

Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu : 515

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SH	Số tiền	
SH	NT		TKĐU	Nợ	Có
		<u>Số dư đầu năm</u>			
		...			
<b>GBC 400</b>	<b>29/12</b>	<b>Lãi tiền gửi ngân hàng</b>	<b>112</b>		<b>65.875</b>
		...			
PKT20	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	1.540.460	
		Cộng SPS năm		1.540.460	1.549.460
		<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Người ghi sổ**  
(Ký, ghi họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.20. Trích Sổ cái TK 635**

Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương  
Địa chỉ: Số 1A Cù Chính Lan, Minh Khai, Hồng  
Bàng, HP

Mẫu số S03b-DNN  
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC  
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

**SỔ CÁI**

Trích năm 2019

Tên TK: Chi phí hoạt động tài chính

Số hiệu : 635

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu năm</u>			
		...			
<b>GBN158</b>	<b>31/12</b>	<b>Trả lãi vay tháng 12/2019</b>	<b>112</b>	<b>25.624.265</b>	
		....	....	....	.....
PKT21	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911		350.365.235
		Cộng SPS năm		<b>350.365.235</b>	<b>350.365.235</b>
		<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Người ghi sổ**  
(Ký, ghi họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên, đóng dấu)

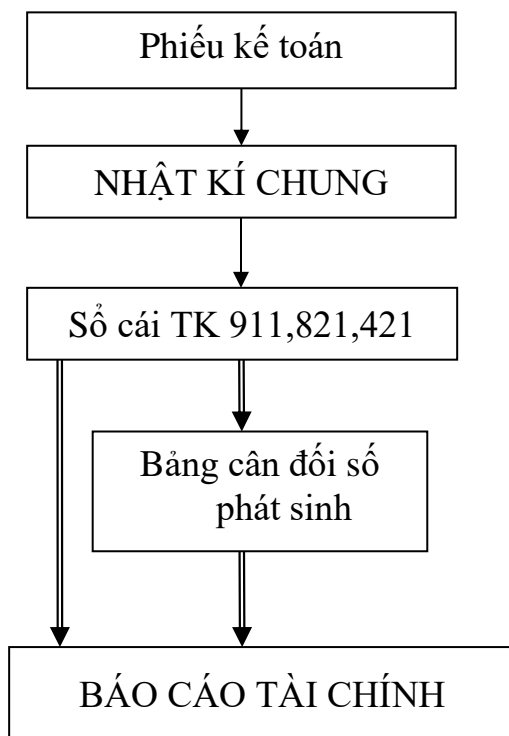


**2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải biển**

**Hùng Vương**

- Chứng từ sử dụng:
  - Phiếu kế toán
- Sổ kế toán sử dụng:
  - Sổ cái TK 911: “Kết quả kinh doanh”
  - Sổ cái TK 821: “Chi phí thuế TNDN”
  - Sổ cái TK 421: “Lợi nhuận chưa phân phối”

\* Quy trình hạch toán:



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, định kỳ  $\Longrightarrow$

**Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương**

Cuối tháng căn cứ vào các bút toán thực hiện kết chuyển, các phiếu kế toán để ghi sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 911. Khi đó:

$$\text{Lợi nhuận trước thuế} = 12.342.086.200 + 1.540.460 - 11.015.436.048 - 350.365.235 - 963.142.754 = 124.665.614$$

$$\text{Thuế TNDN} = 124.665.614 * 20\% = 24.933.123$$

$$\text{Lợi nhuận sau thuế} = 124.665.614 - 24.933.123 = 99.732.491$$

**Ví dụ minh họa:** Ngày 31/12: Các bút toán kết chuyển cuối năm 2019, căn cứ vào số liệu trên Sổ cái TK 511, TK 515 kế toán tiến hành lập phiếu kế toán số 19 để kết chuyển doanh thu, thu nhập.

**Biểu số 2.21. Phiếu kế toán số 20**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HÙNG VƯƠNG**  
Địa chỉ: Số 1A Cù Chính Lan – Minh Khai – Hồng Bàng – Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số: 20

Năm 2019

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh và cung cấp dịch vụ	511	911	12.342.086.200
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	1.540.460
	Cộng			<b>12.343.626.660</b>

Người lập  
(Ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi họ tên)

**Biểu số 2.22. Phiếu kế toán số 21**

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Số 1A Cù Chính Lan – Minh Khai – Hồng Bàng – Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số: 21

Năm 2019

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	11.015.436.048
2	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911	635	350.365.235
3	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	963.142.754
	<b>Cộng</b>			<b>12.328.944.037</b>

**Người lập**  
(Ký, ghi họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi họ tên)

**Biểu số 2.23. Phiếu kế toán số 22**

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Số 1A Cù Chính Lan – Minh Khai – Hồng Bàng – Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 22

Năm 2019

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Thuế TNDN phải nộp năm 2019	821	3334	24.933.123
	<b>Cộng</b>			<b>24.933.123</b>

**Người lập**  
(Ký, ghi họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi họ tên)

**Biểu số 2.24. Phiếu kế toán số 23**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HÙNG VƯƠNG**  
Địa chỉ: Số 1A Cù Chính Lan – Minh Khai – Hồng Bàng – Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**  
Số: 23  
Năm 2019

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	24.933.123
	<b>Cộng</b>			<b>24.933.123</b>

**Người lập**  
(Ký, ghi họ tên)
 **Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi họ tên)

**Biểu số 2.25. Phiếu kế toán số 24**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HÙNG VƯƠNG**  
Địa chỉ: Số 1A Cù Chính Lan – Minh Khai – Hồng Bàng – Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**  
Số: 24  
Năm 2019

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế năm 2019	911	421	99.732.491
	<b>Cộng</b>			<b>99.732.491</b>

**Người lập**  
(Ký, ghi họ tên)
 **Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi họ tên)

**Biểu số 2.26. Trích sổ nhật ký chung**

Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương  
Địa chỉ: Số 1A Cù Chính Lan, Minh Khai, Hồng  
Bàng, HP

Mẫu số S03a-DNN  
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-  
BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2019

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT 20	31/12	Kết chuyển doanh thu, thu nhập	511	12.342.086.200	
				515	1.540.460	
				911		12.343.626.660
31/12	PKT 21	31/12	Kết chuyển chi phí	911	12.328.944.037	
				632		11.015.436.048
				635		350.365.235
				642		963.142.754
31/12	PKT 22	31/12	Thuế TNDN phải nộp	821	24.933.123	
				3334		24.933.123
31/12	PKT 23	31/12	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	911	24.933.123	
				821		24.933.123
31/12	PKT 24	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	99.732.491	
				421		99.732.491
			<b>Cộng lũy kế từ đầu năm</b>		<b>123.726.230.350</b>	<b>123.726.230.350</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Người ghi sổ**  
(Ký, ghi họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.27. Trích sổ cái TK911**

Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương  
Địa chỉ: Số 1A cù Chính Lan, Minh Khai,  
Hồng Bàng, HP

Mẫu số S03b-DNN  
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-  
BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

**SỔ CÁI**

Năm 2019

Tên tài khoản: Kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐ Ư	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		<b><u>Số dư đầu năm</u></b>			
		.....			
PKT20	31/12	Kết chuyển doanh thu, bán hàng	511		12.342.086.200
PKT20	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		1.540.460
PKT21	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	11.015.436.048	
PKT21	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	635	350.365.235	
PKT21	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642	963.142.754	
PKT23	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	24.933.123	
PKT24	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	421	99.732.491	
		<b>Cộng số phát sinh năm</b>		<b>12.343.626.660</b>	<b>12.343.626.660</b>
		<b><u>Số dư cuối năm</u></b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Người ghi sổ**  
(Ký, ghi họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.28. Trích sổ cái TK821**

Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương  
Địa chỉ: Số 1A Cù Chính Lan, Minh Khai,  
Hồng Bàng, HP

Mẫu số S03a-DNN  
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-  
BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

**SỔ CÁI**

Năm 2019

Tên tài khoản: Thuế TNDN

Số hiệu: 821

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		<b><u>Số dư đầu năm</u></b>			
PKT22	31/12	Thuế TNDN phải nộp	3334	24.933.123	
PKT23	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		24.933.123
		<b>Cộng số phát sinh năm</b>		<b>24.933.123</b>	<b>24.933.123</b>
		<b><u>Số dư cuối năm</u></b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Người ghi sổ**  
(Ký, ghi họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.29: Trích sổ cái TK421**

Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương  
Địa chỉ: Số 1A Cù Chính Lan, Minh Khai,  
Hồng Bàng, HP

Mẫu số S03a-DNN  
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-  
BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

**SỔ CÁI**

Năm 2019

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		<b><u>Số dư đầu năm</u></b>			<b><u>110.400.000</u></b>
PKT24	31/12	Lợi nhuận sau thuế năm 2019	911		99.732.491
		<b>Cộng số phát sinh năm</b>			99.732.491
		<b><u>Số dư cuối năm</u></b>			<b><u>210.132.491</u></b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Người ghi sổ**  
(Ký, ghi họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên, đóng dấu)



**Biểu số 2.30. Trích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương  
Địa chỉ: Số 1A Cù Chính Lan, Minh Khai, Hồng  
Bàng, HP.

Mẫu số B02 – DNN  
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-  
BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	12.342.086.200	9.267.098.170
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		12.342.086.200	9.267.098.170
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	11.015.436.048	8.010.000.600
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.326.650.152	589.136.128
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1.540.460	689.342
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	350.365.235	357.801.000
Trong đó: lãi vay phải trả	23		350.365.235	357.801.000
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý kinh doanh	25		963.142.754	567.098.210
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	30		124.665.614	108.727.260
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		124.665.614	108.727.260
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	24.933.123	20.650.768
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		99.732.491	88.076.492
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Người ghi sổ**  
(Ký, ghi họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên, đóng dấu)

### CHƯƠNG 3

## MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HÙNG VƯƠNG

### 3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương.

#### 3.1.1. Đánh giá chung

Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương là 1 doanh nghiệp thành lập chưa lâu nhưng luôn có những chuyển biến tích cực trong hoạt động kinh doanh và cũng có chỗ đứng nhất định trên thị trường.

Công ty luôn cố gắng đẩy mạnh việc tìm kiếm những khách hàng mới, mở rộng phạm vi hoạt động, cải thiện cơ sở vật chất và tạo môi trường làm việc tốt cho nhân viên. Chính vì vậy, doanh thu hàng năm của công ty tăng lên rõ rệt. Đó chủ yếu là do sự sáng tạo, năng động của ban giám đốc và sự đoàn kết đồng lòng của các cán bộ công nhân viên trong Công ty.

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu về Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương, được tiếp xúc với thực tế tổ chức kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cùng với sự giúp đỡ của các nhân viên phòng kế toán, em đã có điều kiện làm quen với thực tế và áp dụng, củng cố những kiến thức đã học ở nhà trường. Qua đó, em xin phép được đưa ra 1 số ý kiến nhận xét và giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương.

#### 3.1.2. Ưu điểm của công tác kế toán tại công ty

##### ❖ Tổ chức bộ máy kế toán.

Bộ máy kế toán được tổ chức theo hình thức tập trung nên hoạt động của bộ máy kế toán phát huy được hiệu quả tối đa. Mỗi cán bộ kế toán đảm nhận chức năng, nhiệm vụ riêng, đảm bảo sự chuyên môn hóa, đồng thời phát huy trình độ của mỗi nhân viên.

Bộ máy kế toán được tổ chức gọn nhẹ, hợp lý, hoạt động hiệu quả, đảm bảo nguyên tắc bất kiêm nhiệm và nguyên tắc phân công phiêm nhiệm. Bộ phận kế toán gồm 3 người: một thủ quỹ, một kế toán thanh toán, một kế toán tổng hợp rất phù hợp với khối lượng công việc kế toán tại công ty. Thêm vào đó, đội ngũ

kế toán có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn (từ cao đẳng trở lên) giúp cho công tác kế toán tại công ty được thực hiện chính xác và kịp thời.

Thông tin do bộ phận kế toán cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời nên việc đối chiếu kiểm tra số liệu với bộ phận kinh doanh và lập báo cáo tài chính được thuận lợi, dễ dàng hơn. Đồng thời giúp cho công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

❖ **Chứng từ kế toán.**

Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kế toán phát sinh, đúng với mẫu do Bộ Tài Chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán khá nhanh chóng, kịp thời. Việc lưu trữ chứng từ tương đối khoa học và được giám sát chặt chẽ, các kế toán ở phân hành nào thì lưu trữ, đảm bảo chứng từ liên quan đến phân hành đó. Vì vậy tránh sự chông chéo và đảm bảo nguyên tắc phân công nhiệm vụ rõ ràng.

❖ **Sổ sách kế toán.**

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung, ưu điểm của hình thức này là khá đơn giản từ mẫu sổ sách đến cách thức vào sổ, thuận tiện cho công tác ghi chép, quản lý kế toán của công ty.

Các sổ kế toán được mở đầy đủ theo hình thức nhật ký chung, được ghi chép theo đúng chế độ, khoa học đảm bảo được yêu cầu quản lý về đối chiếu kiểm tra, từ đó tránh những sai sót.

❖ **Tài khoản sử dụng.**

Công ty áp dụng theo đúng chuẩn mực trong báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo thông tư 133/2016/TT – BTC của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán ban hành và các thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung.

❖ **Về hạch toán kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty:**

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời, đảm bảo theo đúng chế độ kế toán hiện hành và nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh. Việc theo dõi hạch toán doanh thu, chi phí như hiện nay là cơ sở quan trọng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh .

**3.1.3. Nhược điểm của công tác kế toán tại công ty**

Bên cạnh những ưu điểm thì tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương còn có những mặt hạn chế sau:

- *Chưa mở sổ chi tiết theo dõi chi phí:* Hiện tại công ty chưa tiến hành mở sổ chi tiết chi phí quản lý kinh doanh nhằm tăng cường quản lý chi phí, tiết kiệm chi phí nhằm tăng lợi nhuận cho công ty.
- *Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại:* Công ty chưa có chính sách chiết khấu thương mại cho khách hàng mua dịch vụ với số lượng lớn. Vì vậy chưa khuyến khích được khách hàng trong việc sử dụng dịch vụ của công ty để thúc đẩy doanh thu bán hàng tăng cao
- *Sử dụng phần mềm kế toán trong kế toán:* Hiện nay công ty mới chỉ xây dựng một số phần hành trên chương trình Excel, Word và việc ghi chép còn rất thủ công. Trong khi đó hoạt động kinh doanh của công ty ngày càng được mở rộng, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ngày càng nhiều khiến kế toán công ty phải đảm nhiệm một khối lượng lớn công việc, gây khó khăn trong công tác quản lý, giám sát của bộ phận kế toán trong công ty.

### **3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương.**

#### **3.2.1. Nguyên tắc của việc hoàn thiện**

Phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi thì cần đáp ứng các nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của Nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.
- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành.
- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.
- Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường

hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

### **3.2.2. Giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương**

#### **3.2.2.1. Hoàn thiện hệ thống sổ kế toán:**

Khi hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp, kế toán nên hạch toán chi tiết 2 nội dung là chi phí bán hàng- TK 6421 và chi phí quản lý DN – TK6422. Đồng thời với mỗi TK 6421 và TK 6422, kế toán cần theo dõi chi tiết theo nội dung các khoản chi phí, ví dụ như chi phí lương, chi phí vật liệu, công cụ , dụng cụ, khấu hao TSCĐ và những chi phí khác ...

Việc hạch toán chi tiết các khoản chi phí sẽ giúp DN xác định chính xác cơ cấu các khoản chi phí mà doanh nghiệp phải chịu, từ đó có biện pháp hạn chế hoặc tiết kiệm chi phí nhằm tăng lợi nhuận cho Doanh nghiệp. Vì vậy, công ty nên mở thêm sổ chi tiết chi phí quản lý kinh doanh theo mẫu như sau:

**Đơn vị:** Kế toán Thiên Ưng

**Địa chỉ:** .....

**Mẫu số S17-DNN**  
(Ban hành theo Thông tư số  
133/2016/TT-BTC ngày  
26/8/2016 của Bộ Tài chính)

#### **SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH** (Dùng cho các TK 154, 631, 642, 242, 335, 632)

- Tài khoản: .....
- Tên phân xưởng: .....
- Tên sản phẩm, dịch vụ:.....

Ngày, hàng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Ghi Nợ Tài khoản ...								
	Số hiệu	Ngày, tháng			Tổng số tiền	Chia ra							
						...	...	...	...	...	...	...	...
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	
			- Số dư đầu kỳ										
			- Số phát sinh trong kỳ										
			- Cộng số phát sinh trong kỳ										
			- Ghi Có TK ...										
			- Số dư cuối kỳ										

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

Ngày mở sổ: ...

**Ví dụ:** Công ty tiến hành mở sổ chi tiết TK 6422 – Chi phí quản lý Doanh nghiệp theo số liệu chương 2 như sau:

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH****TK Chi phí quản lý doanh nghiệp - 6422**

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi nợ TK				
	Số	Ngày			Số tiền	Chia ra			
						Lương	KH	....	Chi phí #
	<b>HD0000 034 PC112</b>	<b>16/12</b>	<b>Chi tiền mặt mua VPP</b>	<b>111</b>	<b>3.000.000</b>			....	<b>3.000.000</b>
	...	...	...		....			....	
	<b>KH12</b>	<b>31/12</b>	<b>Trích khấu hao TSCĐ tháng 12</b>	<b>214</b>	<b>26.744.350</b>		<b>26.744.350</b>	....	
	<b>BL12</b>	<b>31/12</b>	<b>Tính tiền lương phải trả cho bộ phận QLDN</b>	<b>334</b>	<b>66.500.000</b>	<b>66.500.000</b>		....	
	...	...	...		....			....	
			<b>Cộng phát sinh cả năm</b>		<b>963.142.754</b>	<b>685.256.210</b>	<b>258.6420200</b>		<b>85.624.200</b>

**3.2.2.2. Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại:**

Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc cam kết mua bán hàng.

Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thương mại sẽ giúp kích thích được việc khách hàng mua với số lượng lớn làm tăng khả năng tiêu thụ hàng.

***Chính sách chiết khấu thương mại tại công ty có thể thực hiện theo cách sau:***

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của doanh

nghiệp cùng ngành.

- Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp. Cụ thể như sau:

+ Đối với khách hàng thường xuyên sử dụng dịch vụ của công ty, công ty nên áp dụng chiết khấu thương mại là 1% trên giá cước chưa thuế khi doanh thu đạt từ 20.000.000-50.000.000, đồng.

+ Đối với khách hàng thân thiết, thường xuyên sử dụng dịch vụ công ty nên áp dụng chiết khấu thương mại là 1,5% trên giá cước chưa thuế khi doanh thu đạt từ 500.000.000- 100.000.000, đồng ....

+ Đối với khách hàng thân thiết lâu dài, thường xuyên sử dụng dịch vụ công ty nên áp dụng chiết khấu thương mại là 2 % trên giá cước chưa thuế khi doanh thu đạt từ 100.000.000- 200.000.000, đồng ....

#### ***Hạch toán chiết khấu thương mại:***

(1) Phản ánh số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán thực tế phát sinh trong kỳ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, ghi:

Nợ TK 511 – Các khoản giảm trừ doanh thu.

Nợ TK 3331 – Thuế GTGT đầu ra được giảm.

Có các TK 111,112,131, ...

**Ví dụ :** Đối với Công ty CP thép Miền Bắc, trong năm 2019, doanh thu của công ty đối với khách hàng này là 180.000.000. Công ty áp dụng mức chiết khấu 2%.

Tiền chiết khấu thương mại = 180.000.000\*2% = 3.600.000.

Công ty hạch toán như sau:

Nợ TK 511: 3.600.000

Nợ TK 3331: 360.000

Có TK 111, 112: 3.960.000

#### **3.2.2.3. Sử dụng phần mềm kế toán:**

Thị trường ngày càng phát triển thì quy mô của các doanh nghiệp ngày càng mở rộng, tính chất hoạt động ngày càng cao làm cho nhu cầu nhận và xử lý

thông tin ngày càng trở nên khó khăn, phức tạp vì thế để tăng hiệu quả trong công tác kế toán, công ty nên áp dụng phần mềm kế toán để tiết kiệm thời gian, công sức. Phần mềm kế toán cung cấp tức thì bất kỳ số liệu và báo cáo kế toán nào, tránh sai lệch số liệu, tiết kiệm nguồn nhân lực, chi phí và tăng cường tính chuyên nghiệp của nhân sự làm gia tăng giá trị chất lượng trong mắt đối tác, khách hàng.

- Ít tốn thời gian: phần mềm kế toán được thiết kế giúp các doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và làm thao tác. Đây là 1 trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán.

- Chính xác: các chương trình kế toán có độ chính xác rất cao và hiếm khi xảy ra lỗi. Sai sót duy nhất của doanh nghiệp gặp phải có thể là do nhập sai dữ liệu và thông tin sai lệch ngay từ đầu.

- Dễ sử dụng: hầu hết các phần mềm kế toán đều dễ sử dụng và dễ hiểu. Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm kế toán đều có phần hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán doanh nghiệp có thể sử dụng dễ dàng.

- Khác với việc sử dụng sổ sách công kênh, mất thời gian khi bán hàng, phần mềm kế toán đưa đến rất nhiều tính năng hữu ích hỗ trợ kế toán hiệu quả. Chúng ta có thể kể đến những ưu điểm nổi bật khi sử dụng phần mềm kế toán vào trong công tác kế toán doanh thu chi phí, xác định kết quả kinh doanh như sau:

- Tiết kiệm thời gian

- Công việc kế toán sẽ liên quan đến nhiều số liệu với tính toán phức tạp. Do đó nếu sử dụng phương pháp kế toán truyền thống, công ty sẽ tốn khá nhiều thời gian để xử lý cũng như kiểm soát thông tin. Với các phần mềm hiện đại, tất cả các dữ liệu về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh sẽ được cập nhật chi tiết, chính xác, giúp tiết kiệm rất nhiều thời gian cho kế toán và công ty

- Tính chính xác cao

- Trong hoạt động kế toán, đôi khi việc tính toán thủ công sẽ gây ra những sai sót dẫn đến nhiều vấn đề khác cho công ty. Sử dụng phần mềm kế toán sẽ hạn chế tối đa sai sót và cải thiện chất lượng sổ sách kế toán cho công ty. Bên cạnh đó dữ liệu sẽ được tổng hợp trên một hệ thống duy nhất, tránh tình trạng sai lệch dữ liệu khi tổng hợp sổ sách trong phương pháp truyền thống.



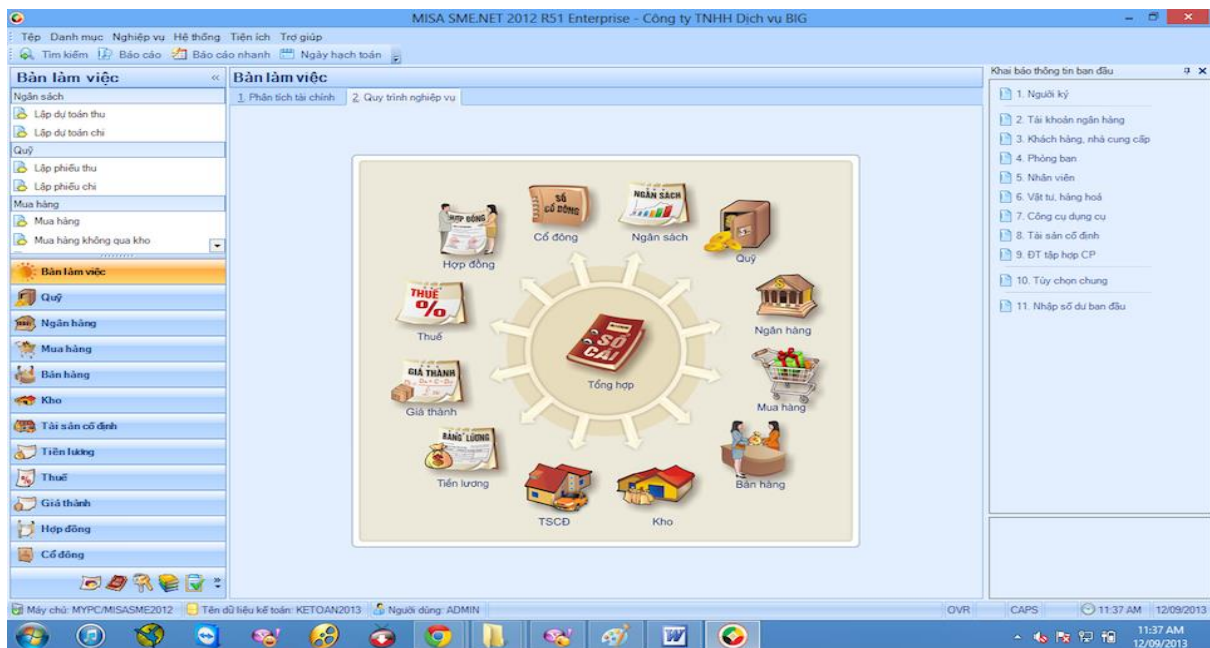
- Sử dụng đơn giản
- Hầu hết các **phần mềm kế toán** đều có giao diện đơn giản, giúp mọi đối tượng người dùng đều có thể dễ dàng sử dụng. Công ty chỉ cần nhập dữ liệu vào hệ thống, sau đó với những thao tác đơn giản, công việc theo dõi số liệu và hỗ trợ kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh sẽ dễ dàng hơn.

- **Chi phí thấp**

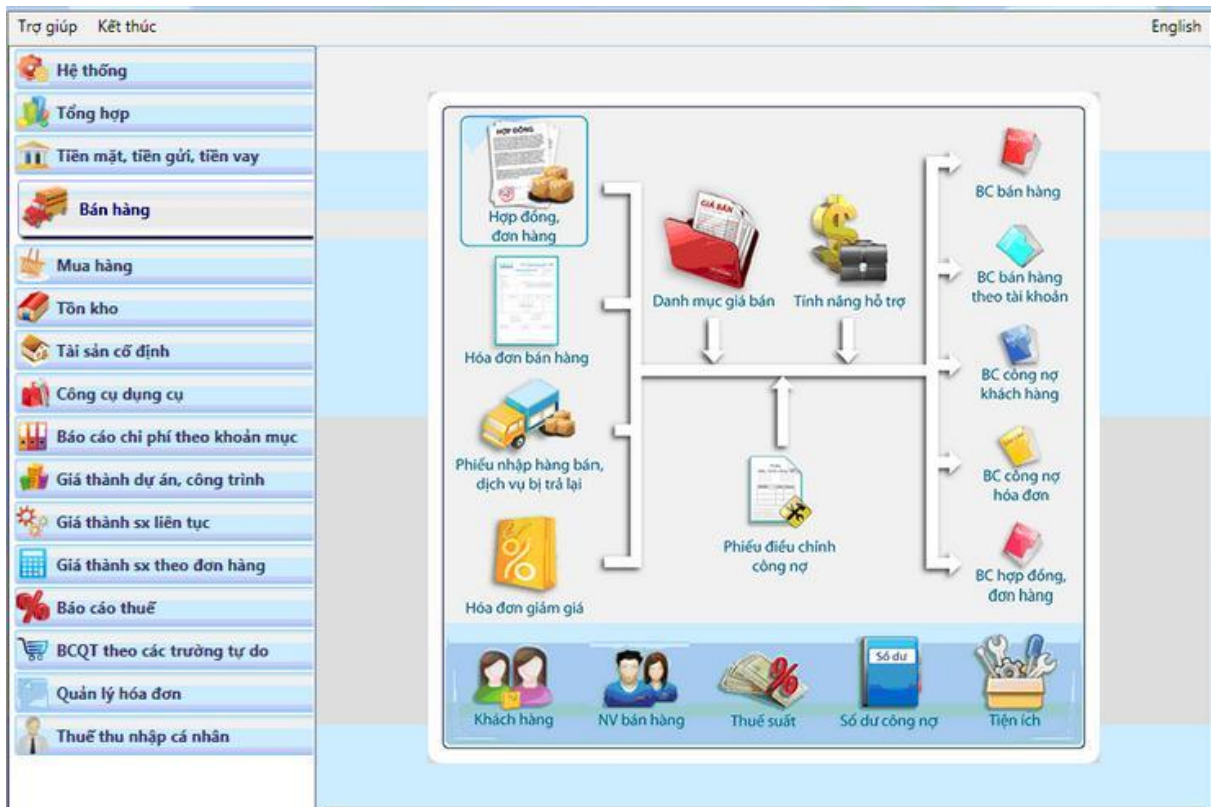
- Một trong những ưu điểm của phần mềm kế toán chính là chi phí đầu tư và sử dụng thấp. Đặc biệt có khá nhiều phần mềm miễn phí để chủ doanh nghiệp có thể lựa chọn cho công việc kinh doanh của mình. Bên cạnh đó, trong quá trình sử dụng, công ty chỉ cần bỏ ra chi phí rất thấp để sở hữu những tính năng tuyệt vời của những phần mềm này.

- Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như: MISA, FAST, EFFECT, ASIASOFT, ACCNET, LINKQ, BRAVO, 3S - ACCOUNTING, 3TSOFT....

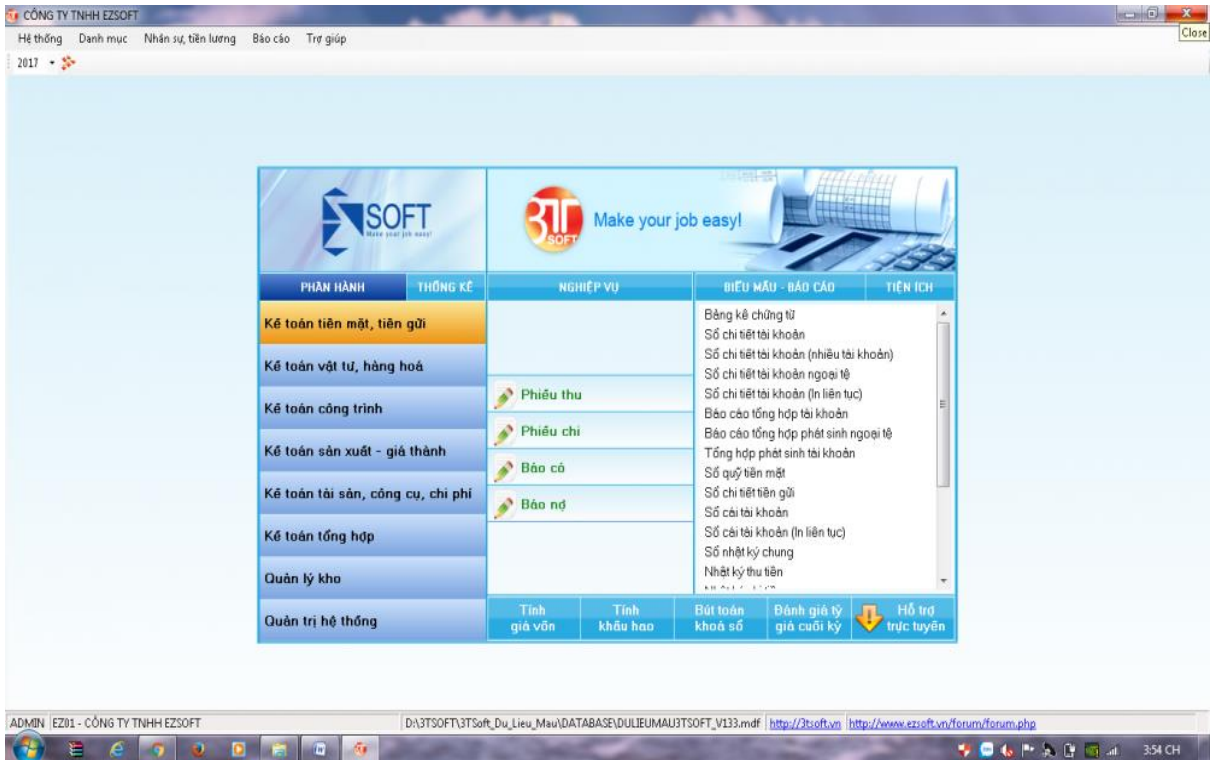
Một số giao diện của phần mềm kế toán:



**Giao diện phần mềm MISA**



**Giao Diện phần mềm FAST**



**Giao diện phần mềm 3TSOFT**

## KẾT LUẬN

Qua thời gian tìm hiểu thực tế tại Công ty biển Hùng Vương, em nhận thấy rõ được tầm quan trọng và sự ảnh hưởng của tổ chức kế toán đối với việc kinh doanh của công ty. Hạch toán doanh thu và chi phí là công cụ đắc lực giúp cho ban lãnh đạo có thể nắm bắt rõ được thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của kỳ doanh nghiệp đồng thời cũng là căn cứ quan trọng cho việc đưa ra quyết định quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh.

Khóa luận “ Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương” đã đề cập được những vấn đề lý luận cơ bản, tình hình thực tế, và đưa ra một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán tại công ty. Tuy nhiên, vì chưa có kinh nghiệm, chưa am hiểu kỹ về thực tế nên những biện pháp còn mang tính lý thuyết song đây cũng là những ý kiến để Công ty tham khảo.

- ✓ **Về mặt lý luận:** hệ thống hóa được những lý luận liên quan đến công tác kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- ✓ **Về mặt thực tế:** Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương.
- ✓ **Về kiến nghị :** Phản ánh được những ưu, nhược điểm và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại đơn vị.

Vì thời gian thực tập Công ty có hạn, kiến thức bản thân còn hạn chế nhưng với sự giúp đỡ tận tình của ban lãnh đạo Công ty và giáo viên hướng dẫn em đã hoàn thiện bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn

*Hải Phòng, tháng 06 năm 2020*  
Sinh viên

Đoàn Thúy Anh

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Ngô Thế Chi ( 2013), *Giáo trình kế toán tài chính*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Thông tư 133/2016/TT- BTC ban hành ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính.
3. Thông tư 228/2009TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính.
4. Tài liệu kế toán của Công ty cổ phần vận tải biển Hùng Vương năm 2019.